



Cập nhật Danh mục đầu tư:

CÂN BẰNG

HCM → **POW**

TĂNG TRƯỞNG

VCB → **MBB**

MIDCAP

+ **PC1**

SMART PORTFOLIO

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

Tháng 11/2025

● Thuộc bộ sản phẩm giải pháp đầu tư

smartDragon

Kiến tạo tương lai thịnh vượng

Mục lục

smartPortfolio tháng 11/2025

I. Tổng quan danh mục 01-04

- | | |
|--|----|
| 1. Thống kê hiệu quả danh mục | 04 |
| 2. Top 10 cổ phiếu trong danh mục chính có hiệu suất nổi bật | 04 |

II. Cập nhật Danh mục chính 05-30

- | | |
|---------------------------|----|
| 1. Danh mục THẬN TRỌNG | 05 |
| 2. Danh mục CÂN BẰNG | 07 |
| 3. Danh mục TĂNG TRƯỞNG | 09 |
| 4. Danh mục MIDCAP | 11 |
| 5. Danh mục SMALLCAP | 13 |
| 6. Điểm nhấn doanh nghiệp | 15 |

III. Cập nhật Danh mục chủ đề 33-35

- | | |
|-----------------------------|----|
| 1. Nâng hạng thị trường | 35 |
| 2. Cổ tức ổn định | 35 |
| 3. Đầu tư công | 36 |
| 4. Phục hồi từ thuế đối ứng | 36 |

IV. Giới thiệu về smartPortfolio 37-42

- | | |
|---|----|
| 1. Tổng quan về smartPortfolio | 37 |
| 2. Phương pháp xây dựng danh mục đầu tư | 38 |
| 3. Diễn giải | 40 |

Tổng quan Thị trường Chứng khoán Tháng 10

Áp lực bán lớn và Phân hóa mạnh

Chỉ số Sụt giảm: VN-Index đóng cửa tháng 10 ở mức 1.639,65 điểm, giảm sâu và mất gần 10% so với đỉnh gần nhất. Ba tuần liên tiếp thị trường chịu áp lực bán.

Khối ngoại Bán ròng Kỷ lục: Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng rất mạnh (>3.000 tỷ đồng trong tuần), đánh dấu tuần bán ròng thứ 15 liên tiếp và tổng giá trị bán ròng đã vượt kỷ lục của cả năm ngoái. Đây là áp lực lớn nhất đối với đà tăng của chỉ số.

Dòng tiền Phân hóa: Mặc dù chỉ số chung giảm mạnh, 70% nhóm cổ phiếu trên thị trường vẫn tăng điểm. Cụ thể, các cổ phiếu lớn (Bluechips, VN30) chịu giảm mạnh, trong khi nhóm cổ phiếu nhỏ (Smallcap) và một số nhóm ngành ngách như Thủy sản, Viettel, Cao su lại tăng giá. Điều này cho thấy dòng tiền đang tập trung vào các cổ phiếu có câu chuyện riêng.

Thanh khoản thấp: Tổng giá trị giao dịch giảm sâu, phù hợp với trạng thái điều chỉnh và tích lũy.

Chiến lược giao dịch và Phân bổ danh mục tháng 11

Tháng 11 theo lịch sử thường là tháng có hiệu suất tốt thứ hai trong năm. Đây là cơ sở để kỳ vọng thị trường sẽ phục hồi ngắn hạn.

Kịch bản Cơ sở: VN-Index sẽ dao động đi ngang (Sideway) trong vùng 1.615 – 1.720 điểm với thanh khoản thấp.

Cơ hội Mua tích lũy: Mặc dù chỉ số chung có thể còn điều chỉnh về vùng hỗ trợ 1.615 – 1.620 điểm, nhiều cổ phiếu đã giảm sâu (20%–30%) và đang tạo vùng cân bằng mới.

Chiến lược ưu tiên:

- Không mua đuổi trong các phiên tăng điểm do trụ kéo.
- Ưu tiên bắt đáy vùng hỗ trợ 1.615 – 1.620 điểm với tỷ trọng nhỏ (30%–50%).

“Thị trường đang trong giai đoạn tích lũy tạo đáy. Áp lực từ khối ngoại là có, nhưng sự phân hóa mạnh mẽ vẫn tạo ra cơ hội sinh lời ở các cổ phiếu ngách. Hãy giao dịch thận trọng và ưu tiên mua ở vùng hỗ trợ.”

TỔNG QUAN DANH MỤC ĐẦU TƯ Tháng 11/2025

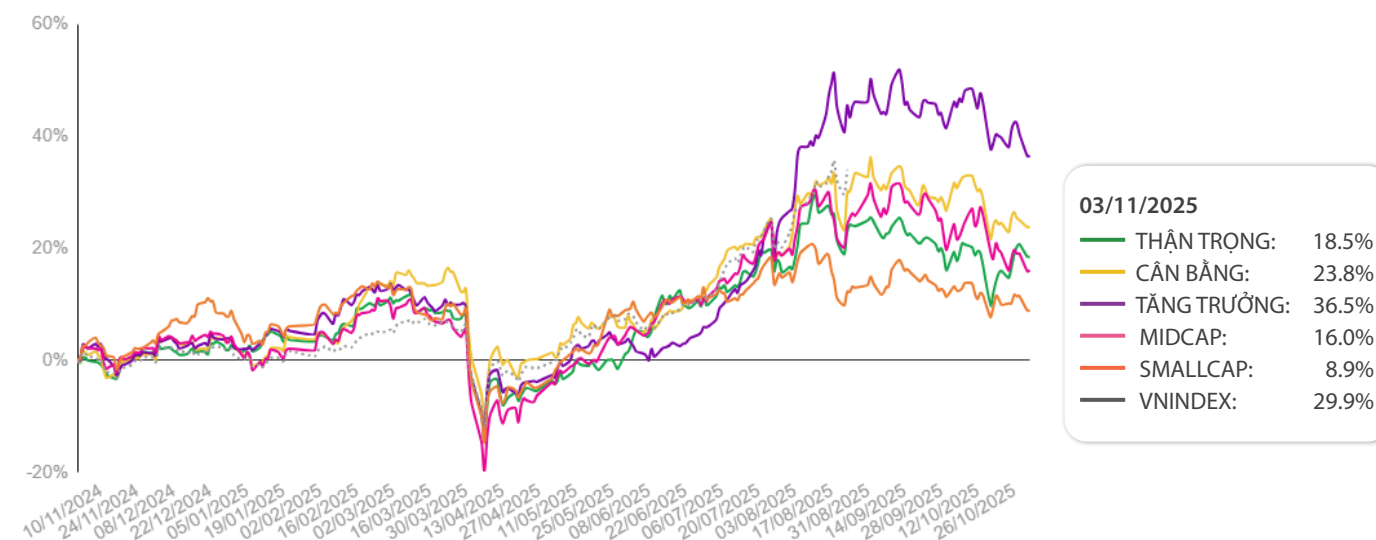
Dựa trên phân tích chuyên sâu về tiềm năng tăng trưởng và khả năng quản trị rủi ro của từng cổ phiếu cũng như tối ưu hóa danh mục đầu tư trong bối cảnh thị trường hiện tại, ở báo cáo kỳ này, chúng tôi cập nhật những thay đổi quan trọng cho danh mục đầu tư smartPortfolio như sau:

- ✓ Danh mục **CÂN BẰNG**: Thay thế cổ phiếu **HCM** bằng **POW**
- ✓ Danh mục **TĂNG TRƯỞNG**: Thay thế **VCB** bằng **MBB**
- ✓ Danh mục **MIDCAP**: Bổ sung **PC1**

Tối ưu hóa danh mục đầu tư cùng smartPortfolio để đón đầu xu hướng thị trường!

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CÁC DANH MỤC & VN-INDEX

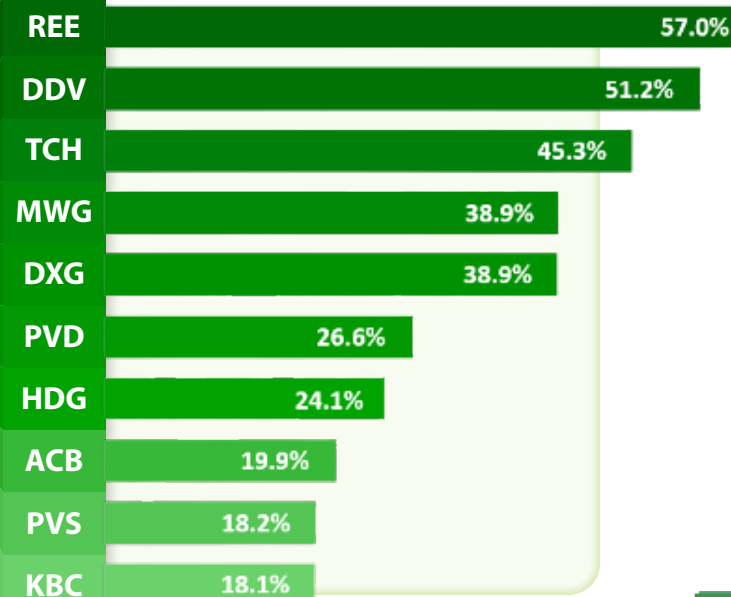
Thời gian: 12 tháng



THỐNG KÊ HIỆU QUẢ DANH MỤC THEO THỜI GIAN

Danh mục	1 tháng	3 tháng	6 tháng	12 tháng	Từ đầu năm	Từ ngày bắt đầu	Ngày bắt đầu
THẬN TRỌNG	-0.7%	1.6%	23.0%	18.5%	16.3%	72.8%	04/01/2022
CÂN BẰNG	-6.0%	2.8%	22.1%	23.8%	19.7%	43.8%	04/01/2022
TĂNG TRƯỞNG	-6.6%	7.8%	40.3%	36.5%	31.4%	31.0%	04/01/2022
MIDCAP	-6.6%	-3.2%	20.9%	16.0%	12.4%	18.0%	01/04/2024
SMALLCAP	-3.7%	-5.8%	12.5%	8.9%	1.0%	18.8%	01/04/2024
VNINDEX	-4.6%	5.8%	30.4%	29.9%	27.6%	6.0%	-

TOP 10 cổ phiếu trong danh mục chính có Hiệu suất nổi bật



CẬP NHẬT DANH MỤC CHÍNH

DANH MỤC THẬN TRỌNG

- ✓ Danh mục tập trung vào những công ty có nền tảng hoạt động ổn định & quản trị minh bạch, trả cổ tức cao và đều đặn, tiềm năng ngành tăng trưởng tốt, định giá thấp so với các yếu tố cơ bản.
- ✓ Danh mục này phù hợp với nhà đầu tư thận trọng, có mức độ chịu rủi ro thấp và thời gian đầu tư dài hạn. Tỷ suất sinh lời kỳ vọng 8-10%/năm.
- ✓ Danh mục có thể kết hợp đầu tư khoản thu nhập cố định như Trái phiếu.

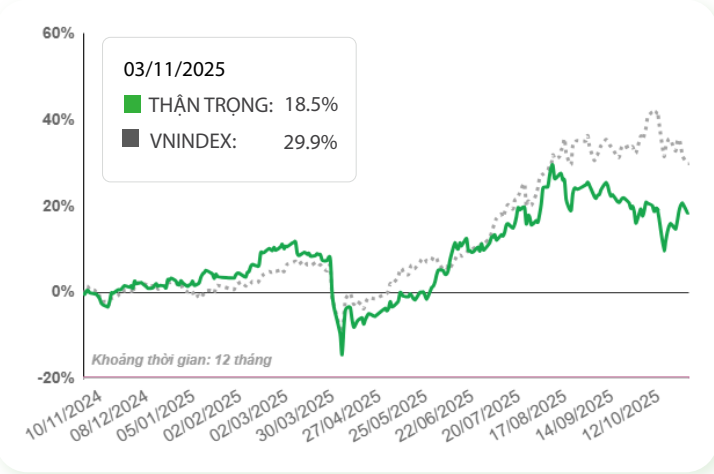
Tỷ suất cổ tức

>7%

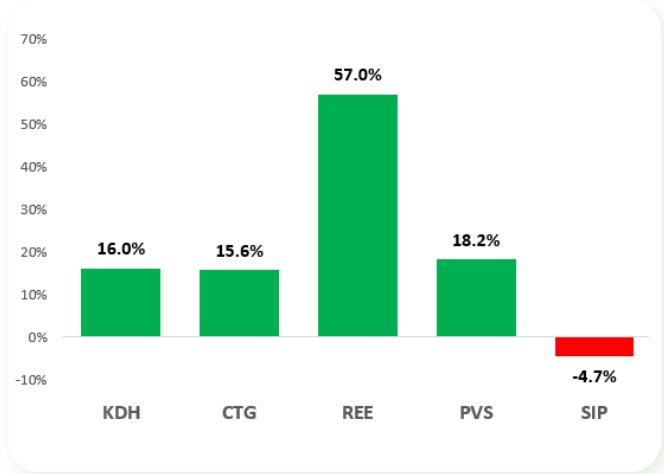
Tỷ suất sinh lời kỳ vọng

8-10%

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG DANH MỤC & VN-INDEX



HIỆU QUẢ CỔ PHIẾU TỪ LÚC VÀO DANH MỤC



DANH MỤC THẬN TRỌNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	Tỷ trọng	P/E	P/B
KDH	●	BĐS Dân cư	39.2	34	15.3%	31 - 33	20%	44.5	2.0
CTG	●	Ngân hàng	60.5	48.5	24.7%	47 - 49	20%	7.7	1.5
REE	●	Điện	84.3	65	29.7%	59 - 62	20%	13.2	1.5
PVS	●	Dầu khí	41	32.5	26.2%	30 - 32	20%	11.0	1.0
SIP	●	BĐS Khu công nghiệp	79.3	56.5	40.4%	50 - 54	20%	9.6	2.6

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 03/11/2025

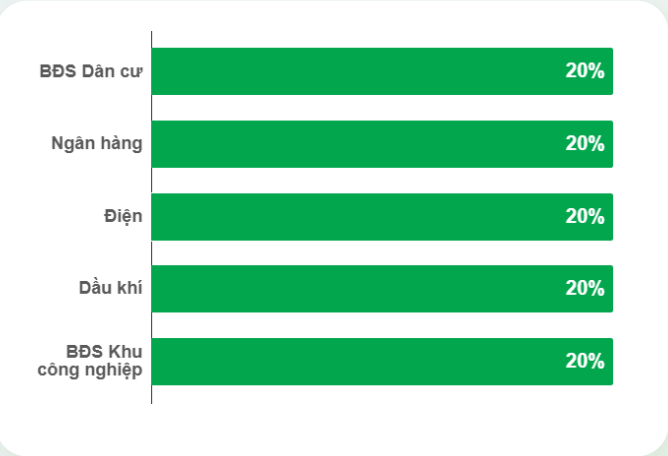
*Đơn vị: nghìn đồng

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

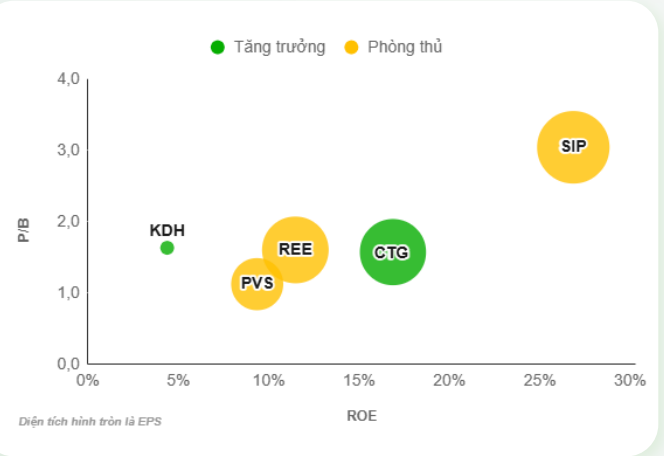
● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu*2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

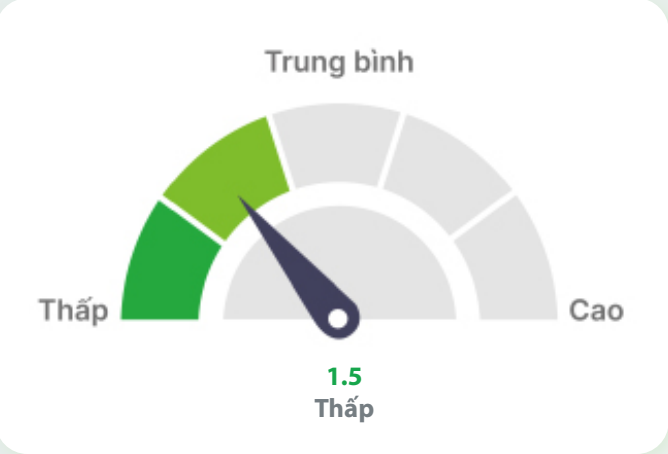
PHÂN BỐ THEO NGÀNH



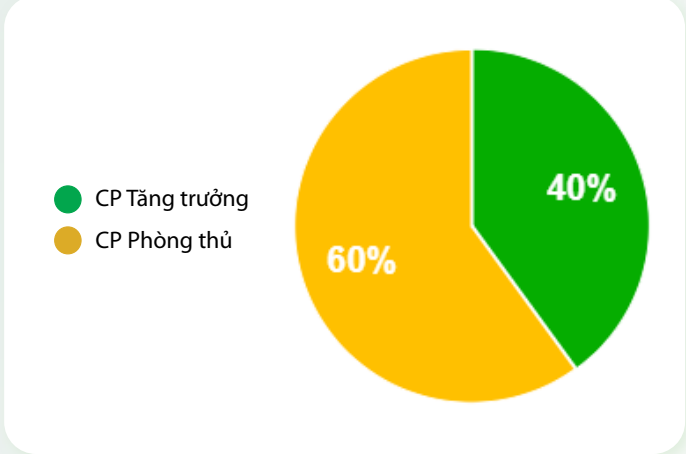
TƯƠNG QUAN GIỮA ROE VÀ P/B



RỦI RO DANH MỤC



TỶ TRỌNG DANH MỤC



THỐNG KÊ BIẾN ĐỘNG GIÁ CỦA CỔ PHIẾU

Mã CK	1 tháng	3 tháng	6 tháng	Từ lúc vào danh mục	Ngày vào danh mục
KDH	7.1%	22.7%	29.0%	16.0%	28/07/2025
CTG	-4.5%	9.5%	30.4%	15.6%	27/06/2025
REE	0.8%	-0.8%	9.1%	57.0%	28/12/2023
PVS	3.2%	-5.8%	27.0%	18.2%	30/05/2025
SIP	4.8%	-12.8%	3.4%	-4.7%	27/06/2025

CỔ PHIẾU CHỜ CHO DANH MỤC

Mã CK	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	Vùng mua
ACB	32.6	25.45	22.5 - 24
BMI	23.5	20.95	18.5 - 19.5
BWE	52	48.15	45 - 47
KBC	44.3	34.2	32.5 - 34.5
SZC	35	30.9	27 - 29

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 03/11/2025

*Đơn vị: nghìn đồng

DANH MỤC CÂN BẰNG

- ✓ Danh mục này phù hợp với nhà đầu tư tương đối thận trọng, có mức độ chịu rủi ro TRUNG BÌNH và đầu tư trung/dài hạn và mong muốn tỷ suất sinh lợi tốt hơn lãi suất cố định.
- ✓ Tỷ suất sinh lời kỳ vọng 10-15%/năm.
- ✓ Danh mục có thể kết hợp 50% cp phòng thủ & 50% cp tăng trưởng.

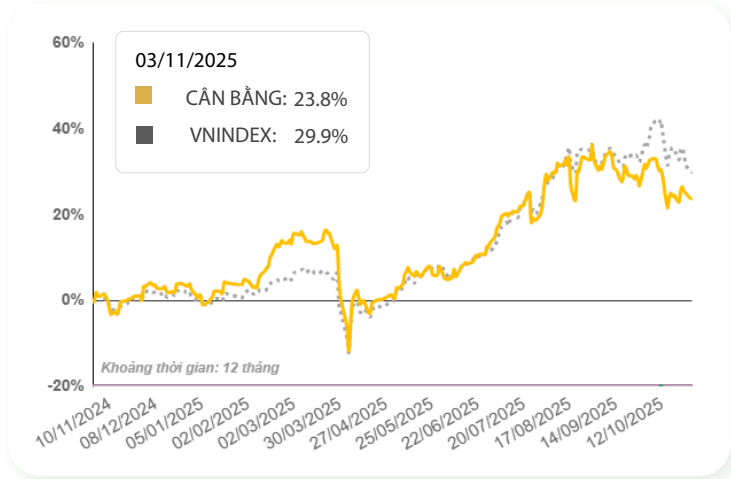
Tỷ suất cổ tức

>5%

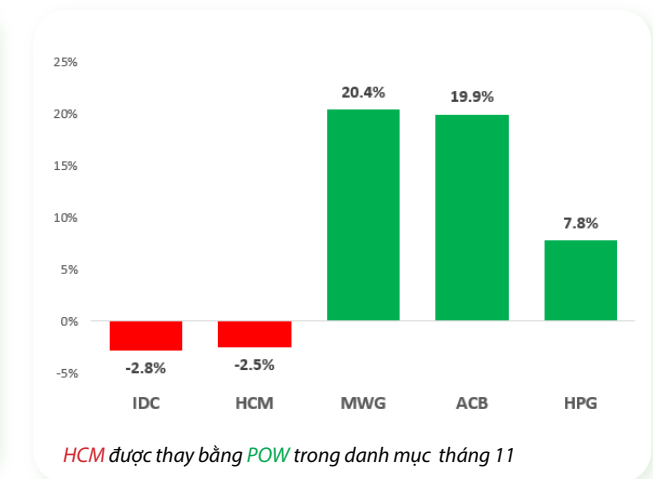
Tỷ suất sinh lời kỳ vọng

10-15%

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG DANH MỤC & VN-INDEX



HIỆU QUẢ CỔ PHIẾU TỪ LÚC VÀO DANH MỤC



DANH MỤC CÂN BẰNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	Tỷ trọng	P/E	P/B
IDC	Phòng thủ	BĐS Khu công nghiệp	42.6	38.2	11.5%	31 - 34	20%	7.2	2.0
POW	Phòng thủ	Điện	15	14.25	3.9%	13 - 14	20%	20.8	1.0
MWG	Tăng trưởng	Bán lẻ	86.1	81	6.3%	76 - 81	20%	27.4	4.0
ACB	Phòng thủ	Ngân hàng	32.6	25.45	28.1%	22.5 - 24	20%	7.5	1.4
HPG	Tăng trưởng	Thép	32.9	26.05	26.3%	24 - 25.5	20%	16.0	1.7

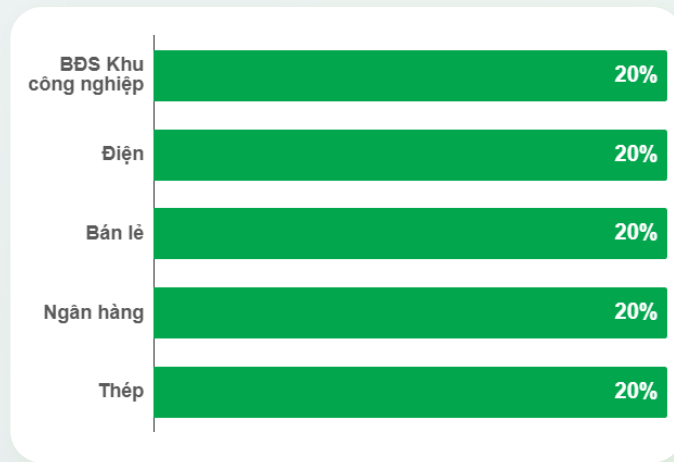
Chú thích Phân loại cổ phiếu:

● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

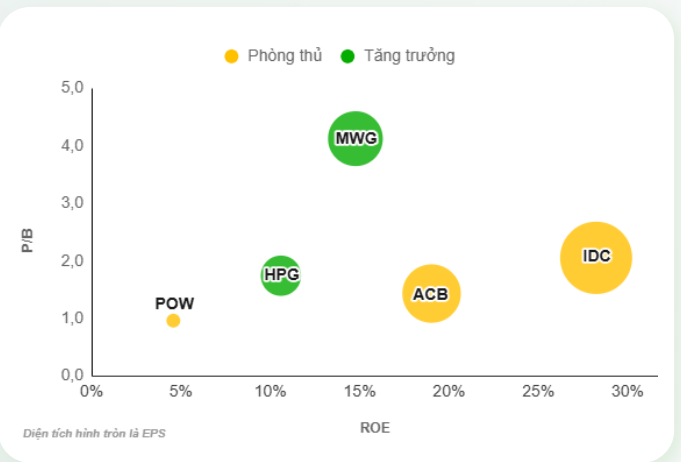
Giá mục tiêu* 2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 03/11/2025
*Đơn vị: nghìn đồng

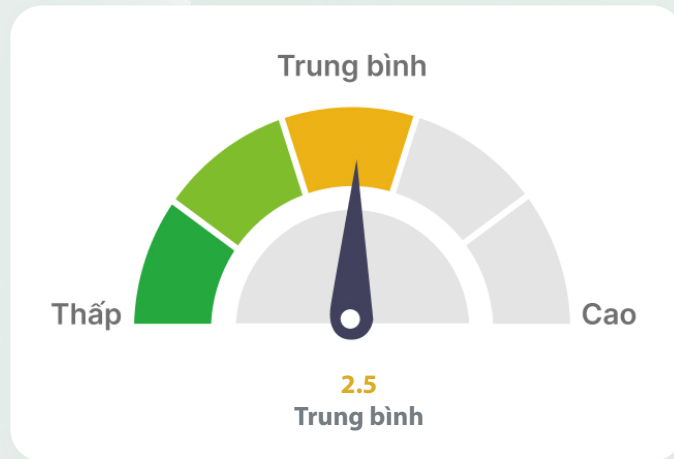
PHÂN BỐ THEO NGÀNH



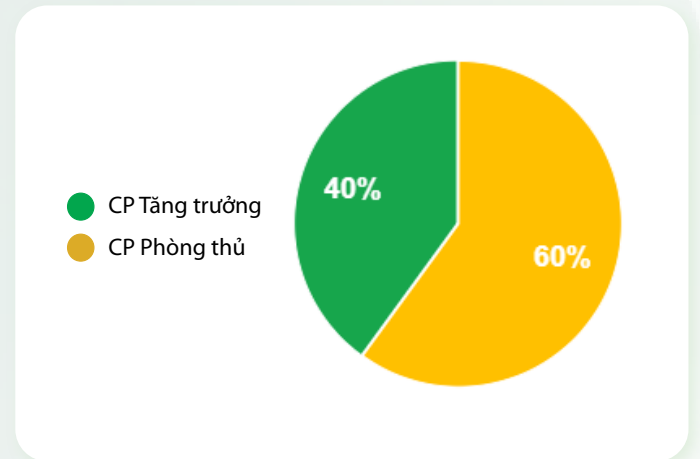
TƯƠNG QUAN GIỮA ROE VÀ P/B



RỦI RO DANH MỤC



TỶ TRỌNG DANH MỤC



THỐNG KÊ BIẾN ĐỘNG GIÁ CỦA CỔ PHIẾU

Mã CK	1 tháng	3 tháng	6 tháng	Từ lúc vào danh mục	Ngày vào danh mục
IDC	1.1%	-14.4%	5.5%	-2.8%	29/09/2025
POW	1.4%	0.0%	20.3%	-0.7%	31/10/2025
MWG	5.2%	24.2%	33.2%	20.4%	28/02/2025
ACB	-0.8%	10.7%	26.7%	19.9%	30/12/2024
HPG	-5.8%	3.6%	22.6%	7.8%	03/06/2024

CỔ PHIẾU CHỜ CHO DANH MỤC

Mã CK	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	Vùng mua
CTG	60.5	48.5	47 - 49
VNM	65.1	57.3	52.5 - 55
TCB	48.5	33.6	33 - 35.5
GAS	67	61.5	57 - 60
MBB	30.1	23.1	22 - 24

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 03/11/2025
*Đơn vị: nghìn đồng

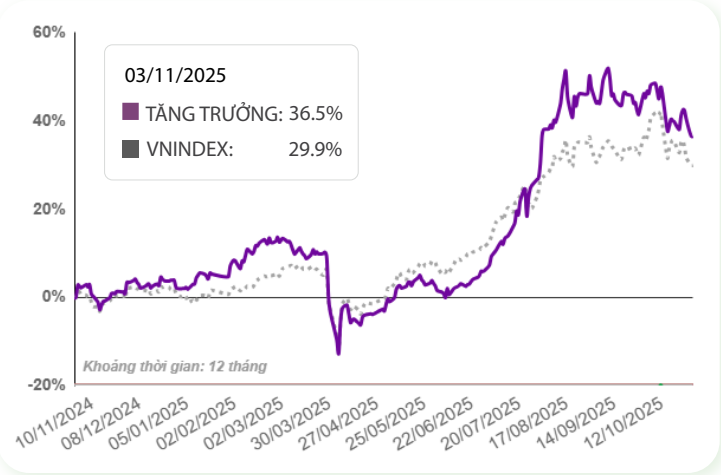
DANH MỤC TĂNG TRƯỞNG

- ✓ Danh mục linh hoạt, tập trung vào cổ phiếu có tính thanh khoản cao và nền tảng doanh nghiệp tốt.
- ✓ Danh mục được xây dựng cho nhà đầu tư năng động, ưa thích các hoạt động giao dịch nhanh và thường xuyên theo dõi biến động thị trường.
- ✓ Khẩu vị rủi ro ở mức cao và kỳ vọng thu lại lợi nhuận vượt trội so với bình quân thị trường, lợi nhuận kỳ vọng 22% - 25%/năm.

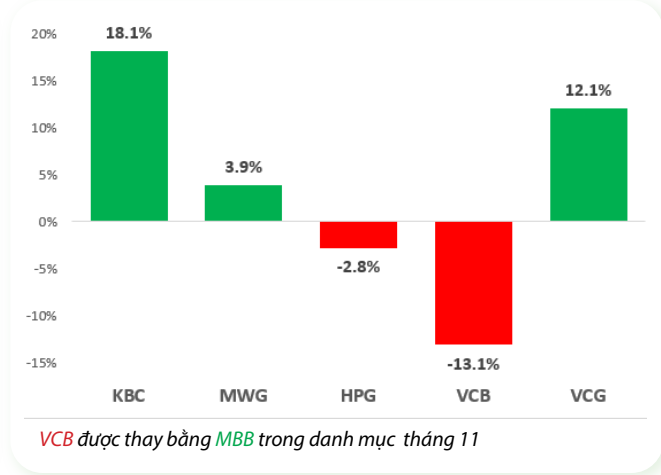
Tỷ suất sinh lời kỳ vọng

22-25%

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG DANH MỤC & VN-INDEX



HIỆU QUẢ CỔ PHIẾU TỪ LÚC VÀO DANH MỤC



DANH MỤC TĂNG TRƯỞNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	Tỷ trọng	P/E	P/B
KBC	●	BĐS Khu công nghiệp	44.3	34.2	29.5%	32.5 - 34.5	20%	23.2	1.5
MWG	●	Bán lẻ	86.1	81	6.3%	76 - 81	20%	27.4	4.0
HPG	●	Thép	32.9	26.05	26.3%	24 - 25.5	20%	16.0	1.7
MBB	●	Ngân hàng	30.1	23.1	30.3%	22 - 24	20%	7.5	1.4
VCG	●	Xây dựng	32.5	24.7	31.8%	25 - 26.5	20%	19.3	1.4

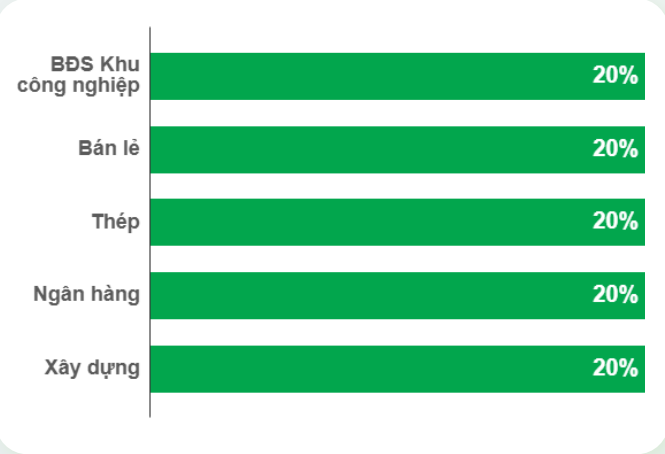
Chú thích Phân loại cổ phiếu:

● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

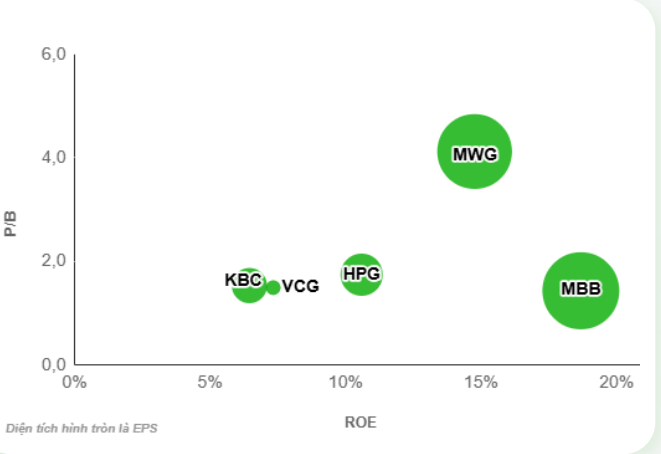
Giá mục tiêu* 2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 03/11/2025
*Đơn vị: nghìn đồng

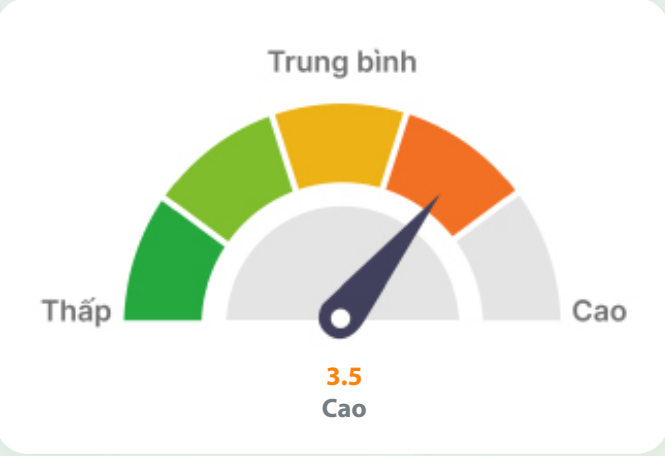
PHÂN BỐ THEO NGÀNH



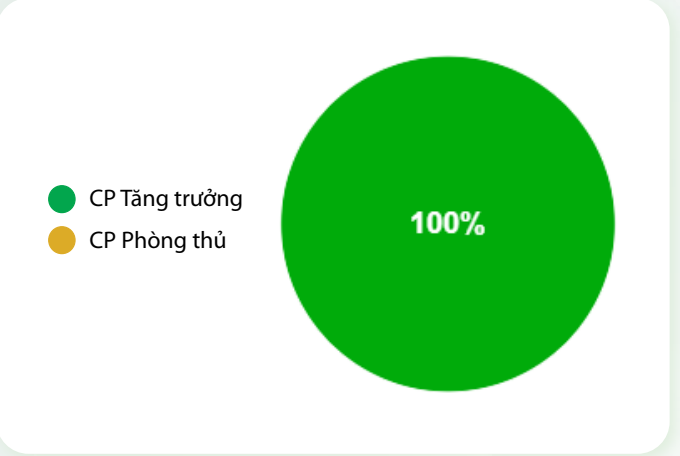
TƯƠNG QUAN GIỮA ROE VÀ P/B



RỦI RO DANH MỤC



TỶ TRỌNG DANH MỤC



THỐNG KÊ BIẾN ĐỘNG GIÁ CỦA CỔ PHIẾU

Mã CK	1 tháng	3 tháng	6 tháng	Từ lúc vào danh mục	Ngày vào danh mục
KBC	-1.3%	8.6%	50.0%	18.1%	01/07/2024
MWG	5.2%	24.2%	33.2%	3.9%	29/08/2025
HPG	-5.8%	3.6%	22.6%	-2.8%	30/10/2024
MBB	-13.0%	-14.9%	-1.9%	-2.1%	31/10/2025
VCG	-9.5%	-6.6%	29.5%	12.1%	27/06/2025

CỔ PHIẾU CHỜ CHO DANH MỤC

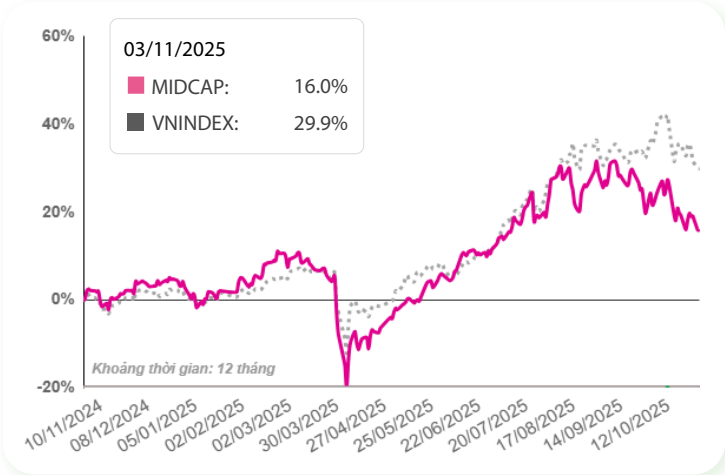
Mã CK	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	Vùng mua
NLG	43	37	34 - 36
SZC	35	30.9	27 - 29
VPB	33	27.6	25 - 28
PVD	27	22.15	19.5 - 21
HDG	35	29.8	27 - 29.5

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 03/11/2025
*Đơn vị: nghìn đồng

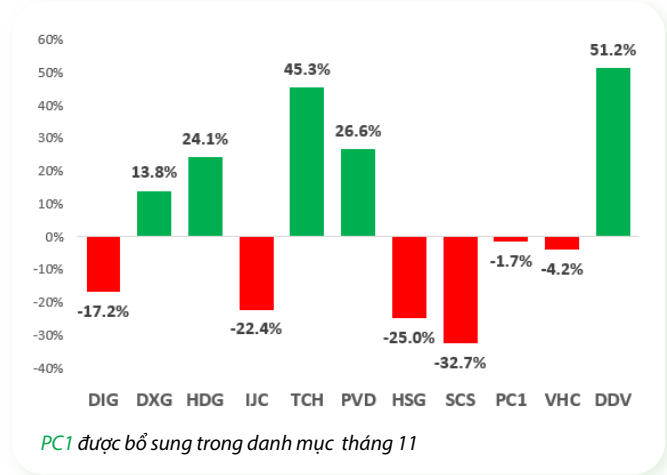
DANH MỤC MIDCAP

- Danh mục đầu tư MIDCAP tập trung vào các cổ phiếu vốn hóa vừa, thường có vốn hóa thị trường từ 5,000 – 15,000 tỷ đồng. Các cổ phiếu Midcap có tiềm năng tăng trưởng cao hơn các công ty Largecap vì chúng có nhiều dư địa phát triển hơn. Tuy nhiên, Midcap cũng đi kèm với rủi ro cao hơn Largecap vì các công ty này thường ít ổn định hơn và dễ bị ảnh hưởng bởi biến động thị trường.
- MIDCAP là một lựa chọn đầu tư hấp dẫn cho nhà đầu tư có khẩu vị rủi ro cao và muốn kiếm lợi nhuận cao.

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG DANH MỤC & VN-INDEX



HIỆU QUẢ CỔ PHIẾU TỪ LÚC VÀO DANH MỤC



DANH MỤC MIDCAP

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
DIG	-	BĐS Dân cư	26	19.3	34.7%	18 - 19.5	70.0	1.6	276
DXG	●	BĐS Dân cư	24.5	18.85	30.0%	17 - 19	42.2	1.1	447
HDG	●	BĐS Dân cư	35	29.8	17.4%	27 - 29.5	15.9	1.5	1,880
IJC	●	BĐS Dân cư	14	11.85	18.1%	11 - 11.8	20.6	1.4	574
TCH	-	BĐS Dân cư	25.5	20.15	26.6%	20 - 21.5	15.5	1.3	1,297
PVD	-	Dầu khí	27	22.15	21.9%	19.5 - 21	17.9	0.8	1,236
HSG	●	Thép	23.6	16.75	40.9%	15.5 - 17	22.7	0.9	738
SCS	-	Hàng không - Du lịch	85	55.9	52.1%	50 - 53	8.0	3.6	7,009
PC1	●	Xây dựng	28	24.15	15.9%	22 - 23.5	14.3	1.1	1,690
VHC	●	Thủy sản	68	57.2	18.9%	52 - 55	9.6	1.4	5,939
DDV	-	Hóa chất - Phân bón	40	29.7	34.7%	27 - 30.5	7.8	2.0	3,790
PVT	●	Cảng - Vận tải	21.4	17.4	23.0%	16 - 17	5.7	0.8	3,065

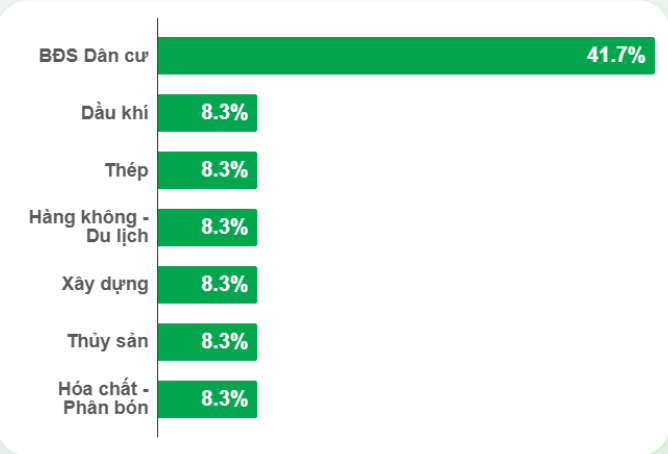
Chú thích Phân loại cổ phiếu:

● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

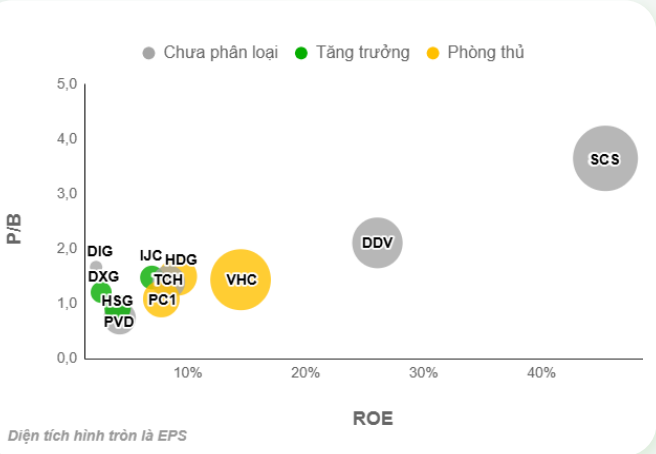
Giá mục tiêu*2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 03/11/2025
*Đơn vị: nghìn đồng

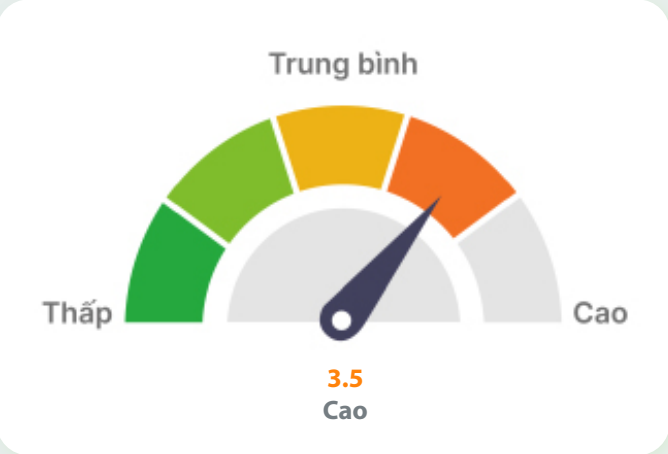
PHÂN BỐ THEO NGÀNH



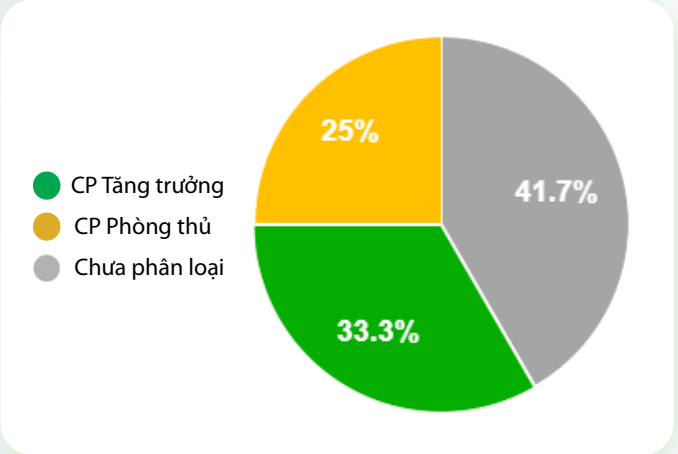
TƯƠNG QUAN GIỮA ROE VÀ P/B



RỦI RO DANH MỤC



TỶ TRỌNG DANH MỤC



THỐNG KÊ BIẾN ĐỘNG GIÁ CỦA CỔ PHIẾU

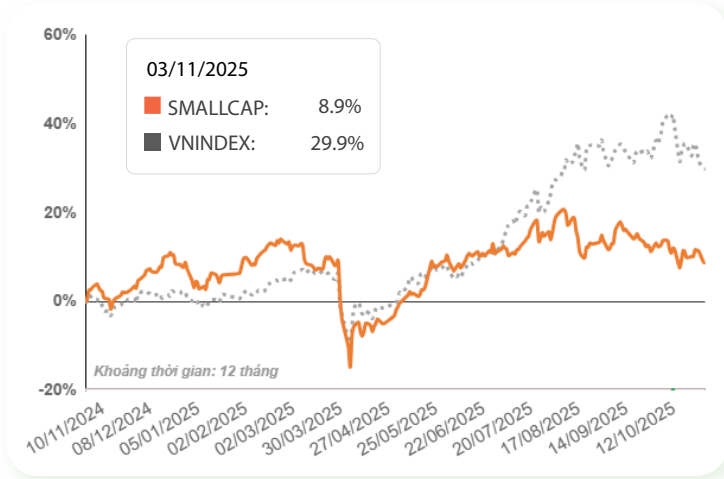
Mã CK	1 tháng	3 tháng	6 tháng	Từ lúc vào danh mục	Ngày vào danh mục
DIG	-10.2%	-7.4%	39.2%	-17.2%	29/08/2025
DXG	-6.0%	-4.3%	45.6%	13.8%	30/10/2024
HDG	-0.7%	14.2%	40.1%	24.1%	01/04/2024
IJC	-6.3%	-9.9%	1.7%	-22.4%	01/04/2024
TCH	-5.8%	1.7%	36.0%	45.3%	30/10/2024
PVD	6.5%	4.0%	26.6%	26.6%	29/04/2025
HSG	-7.2%	-9.5%	21.4%	-25.0%	01/04/2024
SCS	-7.3%	-10.4%	-5.6%	-32.7%	27/06/2025
PC1	-0.4%	-12.8%	15.8%	-1.7%	31/10/2025
VHC	3.8%	2.7%	15.1%	-4.2%	27/06/2025
DDV	-3.9%	-10.5%	40.1%	51.2%	28/02/2025
PVT	-2.0%	-4.9%	10.1%	-10.4%	01/04/2024

Dữ liệu được cập nhật tại ngày 03/11/2025

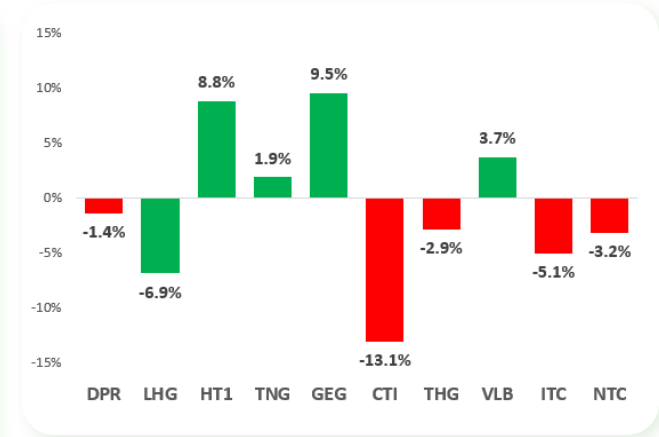
DANH MỤC SMALLCAP

- ✓ Danh mục đầu tư SMALLCAP tập trung vào các cổ phiếu vốn hóa nhỏ, thường có vốn hóa thị trường dưới 5,000 tỷ đồng. Mục tiêu của danh mục nhằm tìm kiếm cơ hội đầu tư vào những "ngôi sao tương lai" giúp nhà đầu tư sớm phát hiện những công ty tiềm năng trước khi chúng trở nên nổi tiếng và tăng giá mạnh.
- ✓ Các cổ phiếu Smallcap thường biến động mạnh hơn so với các cổ phiếu vốn hóa lớn, dễ bị ảnh hưởng bởi biến động thị trường, tin tức. Danh mục phù hợp với nhà đầu tư có khẩu vị rủi ro cao, chấp nhận rủi ro cao để kiếm lợi nhuận đột phá.

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG DANH MỤC & VN-INDEX



HIỆU QUẢ CỔ PHIẾU TỪ LÚC VÀO DANH MỤC



DANH MỤC SMALLCAP

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
DPR	●	BĐS Khu công nghiệp	43.2	38.95	10.9%	35 - 36.5	9.5	1.0	4,123
LHG	●	BĐS Khu công nghiệp	46.8	30.15	55.2%	28.5 - 30	5.7	0.9	5,320
HT1	●	Xi măng	19.5	16.1	21.1%	15 - 16	81.0	1.3	199
TNG	●	Dệt may	22.3	19.2	16.1%	18 - 19	7.8	1.3	2,462
GEG	●	Điện	17.3	15.5	11.6%	13.5 - 14.5	9.6	0.9	1,615
CTI	●	Xây dựng	28	21.85	28.1%	22 - 23.5	10.5	0.9	2,086
THG	-	Vật liệu - Xây dựng	60	49.05	21.3%	46 - 49.5	9.7	2.1	5,051
VLB	●	Vật liệu - Xây dựng	52	47.6	9.2%	44 - 46	8.4	2.8	5637
ITC	-	BĐS Dân cư	18	14	28.6%	12.5 - 13.5	39.8	0.6	352
NTC	-	BĐS Khu công nghiệp	220	159.2	38.2%	145 - 155	9.2	3.0	17,225

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

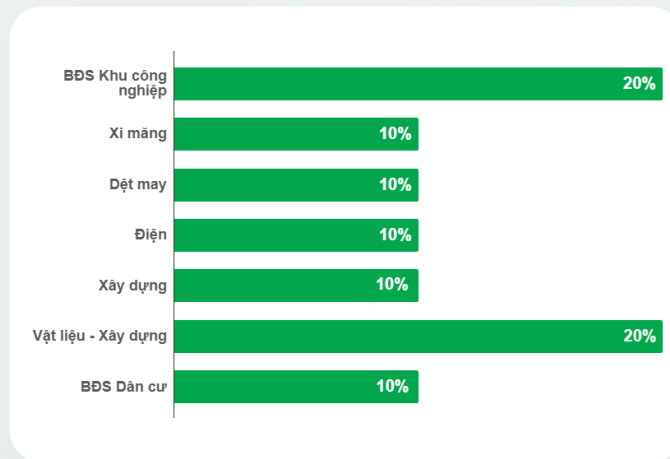
● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu* 2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

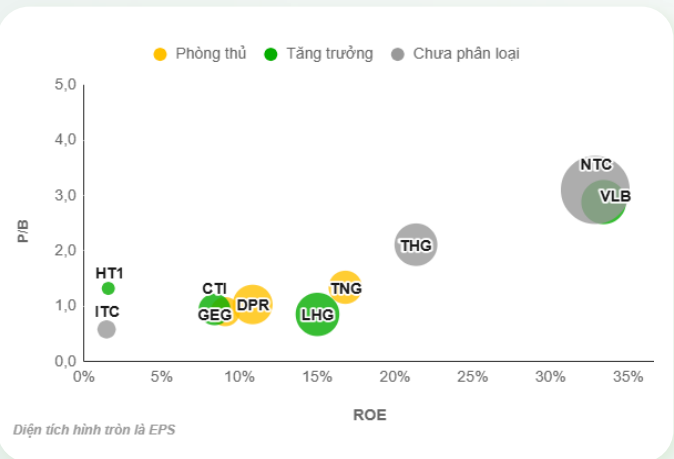
Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 03/11/2025

*Đơn vị: nghìn đồng

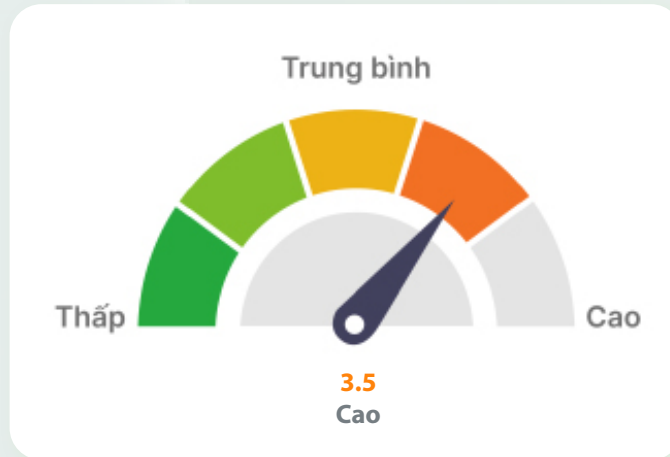
PHÂN BỐ THEO NGÀNH



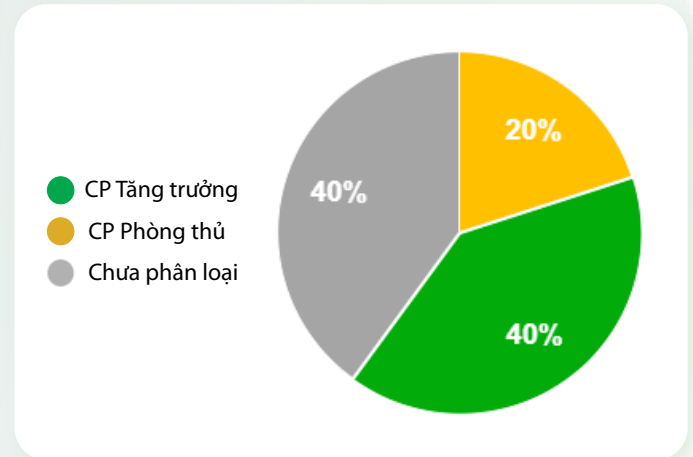
TƯƠNG QUAN GIỮA ROE VÀ P/B



RỦI RO DANH MỤC



TỶ TRỌNG DANH MỤC



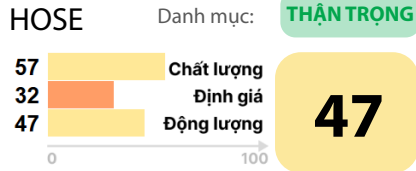
THỐNG KÊ BIẾN ĐỘNG GIÁ CỦA CỔ PHIẾU

Mã CK	1 tháng	3 tháng	6 tháng	Từ lúc vào danh mục	Ngày vào danh mục
DPR	6.3%	3.2%	16.4%	-1.4%	27/06/2025
LHG	-0.7%	-6.2%	19.3%	-6.9%	03/06/2024
HT1	-7.7%	15.8%	49.1%	8.8%	28/07/2025
TNG	0.0%	-7.7%	20.8%	1.9%	01/04/2024
GEG	-2.2%	-12.2%	13.6%	9.5%	31/03/2025
CTI	-12.3%	-15.0%	10.4%	-13.1%	29/09/2025
THG	-5.7%	-9.0%	15.4%	-2.9%	29/09/2025
VLB	2.6%	3.3%	12.3%	3.7%	29/08/2025
ITC	0.0%	-14.9%	40.7%	-5.1%	27/06/2025
NTC	-1.4%	-4.0%	17.6%	-3.2%	27/06/2025

Dữ liệu được cập nhật tại ngày 03/11/2025

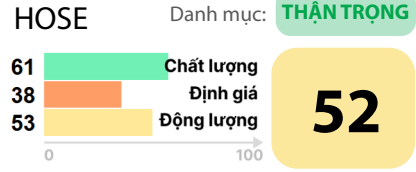
ĐIỂM NHẤN DOANH NGHIỆP

KDH



Trong Q3/2025, KDH ghi nhận doanh thu đạt 1,098 tỷ đồng (+5% QoQ, +335% YoY), vượt kỳ vọng chuyên viên. Doanh thu quý này được ghi nhận chính từ bàn giao dự án Gladia (ước tính khoảng hơn 30 sản phẩm thấp tầng). Biên lợi nhuận gộp ghi nhận mức cao trở lại, đạt 71% khi doanh nghiệp bàn giao sản phẩm thấp tầng. Lợi nhuận trước thuế ghi nhận 654 tỷ đồng (+166% QoQ, +783% YoY), sau khi trừ đi nghĩa vụ thuế, Công ty chi trả lợi nhuận cho cổ đông thiểu số (Keppel sở hữu 49% Gladia) 290 tỷ đồng. Do đó, LNST-CĐM đạt 235 tỷ đồng (+18% QoQ, +234% YoY). Lũy kế 9T2025, KDH ghi nhận doanh thu đạt 2,855 tỷ đồng (+132% YoY) và LNST-CĐM đạt 556 tỷ đồng (+35% YoY). Biên lợi nhuận gộp và biên LNST-CĐM lần lượt đạt 52% và 19%.

CTG



LNTT Q3/2025 đạt 10.6 nghìn tỷ đồng, tăng 62% YoY và -12% QoQ, tích cực hơn so với kỳ vọng do chi phí trích lập dự phòng thấp hơn 2 nghìn tỷ đồng so với dự báo nhờ chất lượng tài sản chuyển biến tích cực đột biến (nợ xấu hình thành ròng: -2,100 tỷ đồng). Mặc dù LNTT Q3/2025 tốt hơn kỳ vọng nhưng LNTT 9T2025 (29.5 nghìn tỷ đồng, tăng 51% YoY) vẫn tương đối phù hợp với dự báo với tỷ lệ hoàn thành 75% dự phóng cả năm.

Tổng thu nhập hoạt động Q3/2025 đạt 22.5 nghìn tỷ đồng (+3% YoY và +8% QoQ). Trong đó: (1) Thu nhập lãi thuần đạt 17.2 nghìn tỷ đồng (+10% YoY và +8% QoQ). Tăng trưởng tín dụng là 15.5% YTD, gần hoàn thành room tín dụng NHNN giao tính đến hiện tại (16.7%). Tăng trưởng

Giá mục tiêu:	39,216
Giá hiện tại:	34,000
Lợi nhuận kỳ vọng:	15.3%
Vùng mua:	31,000 - 33,000

+/- Doanh thu (Q3/25):	334.9%
+/- LNST (Q3/25):	235.1%
EPS:	857
ROE:	4.8%

Về mặt tài sản, hàng tồn kho của KDH trong Q3 ghi nhận 23,085 tỷ đồng (tương đương với Q2/2025) khi đồng thời vừa bàn giao Gladia (HTK giảm) và tiếp tục phát triển các quỹ đất (HTK tăng). Nhìn chung, kết quả kinh doanh Q3/2025 của KDH vượt kỳ vọng, khi Công ty đã có thể ghi nhận doanh thu từ dự án Gladia ngay trong quý 3. Trong giai đoạn tới, chúng tôi kỳ vọng dự án Gladia có thể được mở bán và tiếp tục ghi nhận doanh thu trong Q4/2025, đóng vai trò là động lực tăng trưởng cho KDH.

Chúng tôi duy trì dự phóng cho cả năm 2025 với doanh thu đạt 7,431 tỷ đồng (+126% YoY) và LNST-CĐM đạt 1,115 tỷ đồng (+38% YoY).

"Ghi nhận doanh thu từ dự án Gladia là động lực tăng trưởng chính của KQKD Q3/2025."

Giá mục tiêu:	60,500
Giá hiện tại:	48,500
Lợi nhuận kỳ vọng:	24.7%
Vùng mua:	47,000 - 49,000

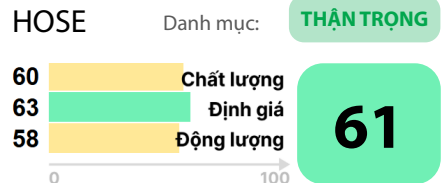
+/- Doanh thu (Q3/25):	2.7%
+/- LNST (Q3/25):	61.7%
EPS:	6,207
ROE:	21.0%

huy động đạt 11.4% YTD; (2) Thu nhập ngoài lãi đạt 5.3 nghìn tỷ đồng, giảm 16% YoY do nền cao của thu hồi nợ xấu ngoại bảng cùng kỳ năm 2024 (4.1 nghìn tỷ đồng) nhưng +5% QoQ. So với quý trước, điểm nhấn tiếp tục là tăng thu hồi nợ xấu ngoại bảng đạt 2.8 nghìn tỷ đồng (+32% QoQ), và thu nhập phí thuần tăng 11% QoQ lên 1.6 nghìn tỷ đồng.

Chi phí hoạt động đi ngang so với cùng kỳ năm trước và tăng nhẹ 3% QoQ, giúp tỷ lệ CIR (TTM) giảm về 26.8%. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng đạt 5.9 nghìn tỷ đồng (giảm 37% YoY).

"KQKD Q3/2025 của CTG tiếp tục cho thấy diễn biến tích cực đặc biệt ở khía cạnh chất lượng tài sản."

REE



Trong Q3/2025, doanh thu của Công ty đạt 2,555 tỷ đồng (+2%QoQ,+26% YoY). Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ (LNST-CĐM) đạt 675 tỷ đồng (+8% QoQ, +40.5% YoY). KQKD của REE đã cải thiện đáng kể so với 2024, với doanh thu/LNST-CĐM chênh lệch 0%/-1% so với dự phóng của chuyên viên.

Năng lượng: Doanh thu đạt 1,265 tỷ đồng (+25% YoY), LNST-CĐM đạt 361 tỷ đồng (+40% YoY), nhờ tổng sản lượng tăng 6% YoY; Cơ điện lạnh: Doanh thu đạt 970 tỷ đồng (+38% YoY), với LNST-CĐM mảng đi ngang (69 tỷ đồng, -5% YoY) . Đến cuối Q3/2025, lượng backlog ghi nhận đạt 3.407 tỷ đồng, giảm 13% YoY so với mức nền cao trong năm 2024, với khối lượng ký mới đạt 1,554 tỷ đồng

Giá mục tiêu:	84,300
Giá hiện tại:	65,000
Lợi nhuận kỳ vọng:	29.7%
Vùng mua:	59,000 - 62,000

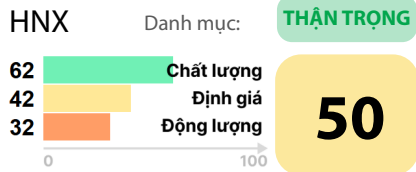
+/- Doanh thu (Q3/25):	25.8%
+/- LNST (Q3/25):	40.5%
EPS:	4,419
ROE:	11.1%

(+101% YoY). Bất động sản: Doanh thu đạt 444 tỷ đồng (+57% YoY), LNST-CĐM đạt 146 tỷ đồng (+33% YoY); Nước và môi trường: sản lượng nước xử lý thương phẩm tăng 2% YoY, trong khi nước phân phối thương mại giảm 1% YoY. Doanh thu của mảng đạt 19 tỷ đồng (-33% YoY), LNST-CĐM trong quý tăng 28% YoY, đạt 91 tỷ đồng.

Khoảng mục đầu tư tài chính của Công ty trong Q3/2025 đã tăng 226% YoY và tăng 244% so với đầu năm. Việc công ty tăng cường đầu tư tài chính đã giúp doanh thu tài chính của REE tăng 62% YoY, đạt 101 tỷ đồng.

"Doanh thu Q3/2025 đạt 2.6 nghìn tỷ đồng (+26% YoY), LNST-CĐM đạt 674 tỷ đồng (+40% YoY), cải thiện đáng kể so với cùng kỳ."

PVS



Trong Q3/2025, PVS ghi nhận doanh thu hợp nhất đạt khoảng 9,600 tỷ đồng (+100% YoY), tiếp tục tăng trưởng mạnh nhờ đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án cơ khí & xây lắp (M&C) trọng điểm như Lô B – Ô Môn, Lạc Đà Vàng và Sư Tử Trắng giai đoạn 2B. LNST-CĐM đạt khoảng 324 tỷ đồng (+140% YoY), phản ánh hiệu quả hoạt động tích cực dù biên lợi nhuận gộp có sụt giảm so với quý trước. So với dự báo của chúng tôi, doanh thu Q3 cao hơn 16%, cho thấy tốc độ triển khai các dự án trọng điểm tích cực hơn kỳ vọng. Tuy nhiên, LNST thấp hơn 10% so với dự phóng, chủ yếu do doanh nghiệp trích lập thêm dự phòng bảo hành công trình, ảnh hưởng trực tiếp đến biên lợi nhuận quý.

Biên lợi nhuận mảng M&C giảm so với Q3/2024 do doanh nghiệp gia tăng trích lập dự phòng bảo hành công trình

Giá mục tiêu:	41,000
Giá hiện tại:	32,500
Lợi nhuận kỳ vọng:	26.2%
Vùng mua:	30,000 - 32,000

+/- Doanh thu (Q3/25):	99.8%
+/- LNST (Q3/25):	140.3%
EPS:	3,040
ROE:	10.4%

trong kỳ. Việc trích lập dự phòng thận trọng này đã dẫn đến biên lợi nhuận M&C thấp hơn, đạt mức 0,4% (so với mức 2,5% cùng kỳ). Mặc dù biên lợi nhuận tạm thời chịu áp lực, song chúng tôi kỳ vọng hiệu quả tổng thể của PVS vẫn duy trì tích cực, nhờ: (1) doanh thu tăng mạnh trên nền backlog dồi dào, (2) mảng FSO/FPSO và dịch vụ tàu chuyên dụng tiếp tục mang lại dòng tiền ổn định, và (3) thu nhập tài chính ròng tích cực nhờ lãi tiền gửi từ lượng tiền mặt dồi dào của doanh nghiệp.

Lũy kế 9T2025, PVS ghi nhận doanh thu khoảng 23,000 tỷ đồng (+63% YoY) và LNST-CĐM đạt gần 1,460 tỷ đồng (+61% YoY).

"PVS hoàn thành 102% kế hoạch doanh thu và 122% kế hoạch lợi nhuận trước thuế sau 9T2025."

SMARTPORTFOLIO 11/2025

SIP

UPCOM

Danh mục: THẬN TRỌNG

71

68

42

Chất lượng

Định giá

Động lượng

65

Giá mục tiêu: 79,300

Giá hiện tại: 56,500

Lợi nhuận kỳ vọng: 40.4%

Vùng mua: 50,000 - 54,000

+/- Doanh thu (Q3/25): 13.0%

+/- LNST (Q3/25): 21.2%

EPS: 5,449

ROE: 24.9%

Doanh thu quý 3 đạt 2,234 tỷ đồng (+13% YoY,+5% QoQ), chủ yếu đến từ: (1) 1,796 tỷ đồng (+7% YoY, tương đương quý 2/25) từ cung cấp điện, nước cho các KCN; (2) 141 tỷ đồng (+20%) về thuê đất KCN; (3) 137 tỷ đồng từ bàn giao sản phẩm thấp tầng tại KDC Phước Đông (sớm hơn so với kỳ vọng của chúng tôi). Trong quý 3, công ty ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực từ cho thuê đất KCN và ghi nhận doanh thu từ BĐS (với biên LN gộp trên 57%), qua đó lợi nhuận gộp của SIP trong quý 3 đạt 367 tỷ đồng (+24% YoY,+26% QoQ).

Trong kỳ, công ty tiếp tục ghi nhận 173 tỷ đồng doanh thu tài chính (+28%YoY), đến từ Lãi từ tiền gửi và từ hợp đồng hợp tác kinh doanh; cùng với 28 tỷ đồng từ liên

SMARTPORTFOLIO 11/2025

IDC

HNX

Danh mục: CÂN BẰNG

49

16

53

Chất lượng

Định giá

Động lượng

76

Giá mục tiêu: 42,600

Giá hiện tại: 38,200

Lợi nhuận kỳ vọng: 11.5%

Vùng mua: 31,000 - 34,000

+/- Doanh thu (Q3/25): 26.2%

+/- LNST (Q3/25): 64.7%

EPS: 4,849

ROE: 24.4%

IDC công bố KQKD quý 3/2025 tích cực với doanh thu đạt 2.9 nghìn tỷ đồng (+26% YoY, +63% QoQ) và LNST sau lợi ích CĐTTS đạt 842 tỷ đồng (+65% YoY, +183% QoQ). Tăng trưởng chủ yếu nhờ các đợt bàn giao backlog chưa ghi nhận theo kế hoạch, ước tính vào khoảng ~77 ha tính đến cuối quý 2/2025 (ước tính của chúng tôi).

Trong 9T2025, doanh thu đạt 6.4 nghìn tỷ đồng (-7% YoY) trong khi LNST sau lợi ích CĐTTS giảm 10% YoY, xuống mức 1.5 nghìn tỷ đồng, lần lượt hoàn thành 80% và 94% dự báo cả năm của chúng tôi. Chúng tôi nhận thấy tiềm năng điều chỉnh tăng nhẹ đối với dự báo lợi nhuận cho năm 2025 nhờ KQKD quý 3 tốt hơn kỳ vọng.

Mảng KCN ghi nhận doanh thu trong 9T2025 đạt 2.6 nghìn tỷ đồng (-22% YoY), chiếm 41% tổng doanh thu của IDC.

Chúng tôi ước tính dòng tiền từ KCN trong 9T2025 giảm 27% YoY xuống mức 2.9 nghìn tỷ đồng. Trong khi đó, biên lợi nhuận gộp trong 9T2025 của mảng này đạt 63.4%. Chúng tôi kỳ vọng doanh số cho thuê đất KCN của IDC sẽ phục hồi trong năm 2026, được hỗ trợ bởi tâm lý nhà đầu tư cải thiện, việc triển khai chính sách rõ ràng hơn và các dự án sắp mở bán.

Mảng BĐS ghi nhận 340 tỷ đồng doanh thu (-31% YoY) trong 9T2025, chủ yếu đến từ việc ghi nhận backlog chưa ghi nhận tại dự án KĐT Bắc Châu Giang tại Ninh Bình. Ngoài ra, doanh thu tài chính và thu nhập khác rỗng trong 9T2025 của IDC cao hơn kỳ vọng.

"Mảng BĐS KCN tốt hơn kỳ vọng thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận trong quý 3/2025."

SMARTPORTFOLIO 11/2025

POW

HOSE

Danh mục: CÂN BẰNG

33

58

68

Chất lượng

Định giá

Động lượng

47

Giá mục tiêu: 14,800

Giá hiện tại: 14,250

Lợi nhuận kỳ vọng: 3.9%

Vùng mua: 13,000 - 14,000

+/- Doanh thu (Q3/25): 29.6%

+/- LNST (Q3/25): 104.2%

EPS: 872

ROE: 5.8%

Doanh thu thuần đạt 7,855 tỷ đồng (-5% QoQ, +30% YoY), thấp hơn 3% so với mức doanh thu dự phóng của chuyên viên. Tổng sản lượng phát điện của công ty trong quý đạt 3.9 tỷ kWh (+33% YoY): Nhóm điện khí: đạt 2,3 tỷ kWh (+19% YoY), với sản lượng thực phát của nhà máy Cà Mau 1-2 tăng 4% YoY. Đặc biệt, sản lượng của các nhà máy Nhơn Trạch 1 và Nhơn Trạch 2 đã cải thiện lần lượt 157% và 23% YoY. Nhóm điện than: sản lượng huy động của nhà máy Vũng Áng 1 đã cải thiện đáng kể, tăng 75% YoY, đạt 1,1 tỷ kWh. Nhóm thủy điện: tiếp tục được hưởng lợi từ điều kiện thủy văn thuận lợi, sản lượng của hai nhà máy Hòa Na và Đak Đrinh tăng lần lượt 40% và 22% YoY.

Sản lượng Qc: Sản lượng hợp đồng (Qc) của toàn công ty ghi nhận tăng 44% YoY, đạt 4,1 tỷ kWh, tương đương 105% sản lượng thực phát. Giá bán trung bình: tăng 33% YoY, đạt 3,905 đồng/kWh với cả giá bán trung bình của nhóm điện khí và nhóm điện than đều cải thiện lần lượt 19% và 75% YoY, nhờ sản lượng Qc được thanh toán tăng cao.

Lợi nhuận gộp đạt 1,291 tỷ đồng (+336% YoY), tương đương mức biên lợi nhuận gộp 16.4% (+11.5 pps YoY). LNST-CDM đạt 809 tỷ đồng (+104% YoY), tương đương biên LNST-CDM 10.2% (+3.7 điểm % YoY).

"KQKD Q3/2025 vượt kỳ vọng chủ yếu nhờ vào khả năng cải thiện giá bán điện và chi phí nhiên liệu giảm mạnh."

SMARTPORTFOLIO 11/2025

MWG

HOSE

Danh mục: CÂN BẰNG TĂNG TRƯỞNG

52

21

53

Chất lượng

Định giá

Động lượng

42

Giá mục tiêu: 86,100

Giá hiện tại: 81,000

Lợi nhuận kỳ vọng: 6.3%

Vùng mua: 76,000 - 81,000

+/- Doanh thu (Q3/25): 16.7%

+/- LNST (Q3/25): 121.3%

EPS: 3,955

ROE: 19.4%

Doanh thu MWG đạt 39,853 tỷ đồng (+5.8% QoQ, +16.7% YoY). Trong đó: (1) Chuỗi TGDĐ, đạt 9,518 tỷ đồng (+17.0% YoY), hoàn toàn dựa trên cải thiện doanh thu trên mỗi cửa hàng (đạt 3.13 tỷ đồng/tháng, +18.2% YoY) khi TGDĐ đóng 2 cửa hàng trong Q3-2025; (2) Chuỗi ĐMX, đạt 17,515 tỷ đồng (+22.3% YoY), tương tự TGDĐ, tăng trưởng chủ yếu từ doanh thu mỗi cửa hàng (đạt 2.89 tỷ đồng, +23.1% YoY) vượt mức trung bình ngành điện máy (+12.6% YoY về giá trị trong 2 tháng T7-8/2025, theo GFK) khi ĐMX đóng cửa 5 cửa hàng trong Q3/2025; (3) Chuỗi BHX, đạt 11,837 tỷ đồng (+9.2% YoY), chủ yếu đến từ việc mở mới 106 cửa hàng trong quý (hơn 50% tại miền Trung); (4) Đáng chú ý, chuỗi An Khang lần đầu mở mới sau một giai đoạn dài thu hẹp từ Q3/2022, với 21 cửa hàng ở quý này, doanh thu trung bình trên cửa hàng 540 triệu đồng/tháng.

LNST-CDM đạt 1,771 tỷ đồng (+7.4% QoQ, +121.3% YoY) Cụ thể: (1) Chuỗi TGDĐ & ĐMX, ghi nhận biên LNTT & lãi vay 5.5% theo ước tính chúng tôi (-33bps QoQ, +138bps YoY); (2) Chuỗi BHX, theo ước tính riêng của chúng tôi trên BCTC MWG, chuỗi ghi nhận LNST ~245 tỷ đồng (+34.3% QoQ, +171.8% YoY), tương đương biên LN rỗng 2.1% (cải thiện mạnh so với mức 1.6% tại Q2/2025 hay 0.8% ở Q3-2024); (3) Doanh thu HĐTC tiếp tục tăng, đạt 809 tỷ đồng (+40.6% YoY); (4) Chuỗi Erablue ghi nhận LNST đạt 9 tỷ đồng trong Q3/2025, mặc dù giảm so với quý cao điểm điện máy Q2/2025 (25 tỷ đồng), nhưng cải thiện đáng kể so với mức hòa vốn ở Q3/2024.

"MWG đã và đang có một năm 2025 hiệu quả trong vận hành tất cả các mô hình kinh doanh chủ chốt của mình."

SMARTPORTFOLIO 11/2025

ACB

HOSE

Danh mục: CÂN BẰNG

88

69

33

Chất lượng

Định giá

Động lượng

72

Giá mục tiêu: 32,600

Giá hiện tại: 25,450

Lợi nhuận kỳ vọng: 28.1%

Vùng mua: 22,500 - 24,000

+/- Doanh thu (Q3/25): 3.1%

+/- LNST (Q3/25): 10.6%

EPS: 3,385

ROE: 19.9%

LNTT hợp nhất Q3/2025 đạt 5.4 nghìn tỷ đồng (+11% YoY, +1% QoQ), phù hợp với kỳ vọng trước đó (thấp hơn dự báo hơn 3%). Lũy kế 9T2025, LNTT đạt 16.1 nghìn tỷ đồng (+5% YoY) và hoàn thành 70% kế hoạch LN cũng như dự phóng cả năm.

Tổng thu nhập hoạt động đạt 8.3 nghìn tỷ đồng, tăng +3% YoY nhưng giảm 10% QoQ do quý trước ACB ghi nhận thu nhập bất thường từ thu hồi khoản nợ xấu của ngân hàng CB. Trong đó: (1) Thu nhập lãi thuần đạt 6.8 nghìn tỷ đồng đi ngang so với cùng kỳ và quý trước. Tăng trưởng tín dụng Q3/2025 đạt 14.2% YTD (Q2/2025: 8.8% YTD) với động lực đến phần lớn từ cho vay DN lớn (+49% YTD). Tăng trưởng huy động đạt 7.3% YTD, giảm so với quý trước (10.6% YTD).

NIM Q3/2025 đạt 2.94%, giảm trở lại 5 bps so với quý trước; (2) Tổng thu nhập ngoài lãi tăng trưởng tích cực 29% YoY lên 1.6 nghìn tỷ đồng, dẫn dắt bởi lãi từ kinh doanh ngoại hối (+170% YoY) và mua/bán trái phiếu (3x YoY). Thu nhập phí chỉ tăng 6% YoY.

Chi phí hoạt động giảm 7% YoY. Nhờ đó, CIR (TTM) giảm về 31.9% (Q2/2025: 32.7%). Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng tiếp tục giảm 38% QoQ và 19% YoY xuống 289 tỷ đồng nhờ không phát sinh nợ xấu giảm ròng (trước xử lý rủi ro) 427 tỷ đồng. Qua đó, tỷ lệ nợ xấu (NPL) ngân hàng mẹ giảm về 1.12% và LLR tăng lên 83%.

“Chất lượng tài sản tiếp tục cải thiện; Doanh số bán lẻ phục hồi dự kiến sẽ thúc đẩy sự phục hồi của NIM.”

SMARTPORTFOLIO 11/2025

HPG

HOSE

Danh mục: CÂN BẰNG TĂNG TRƯỞNG

76

26

58

Chất lượng

Định giá

Động lượng

56

Giá mục tiêu: 32,900

Giá hiện tại: 26,050

Lợi nhuận kỳ vọng: 26.3%

Vùng mua: 24,000 - 25,500

+/- Doanh thu (Q3/25): 7.2%

+/- LNST (Q3/25): 31.9%

EPS: 1,876

ROE: 11.9%

Doanh thu Q3/2025 đạt 36,400 tỷ đồng (+7% YoY, +1% QoQ) và LN gộp đạt 6,087 tỷ đồng (+29% YoY, -8% QoQ). Doanh thu ổn định khi sản lượng bán hàng tương đương so với quý 2 (mảng thép xây dựng sụt giảm do ảnh hưởng của mùa mưa bão, tuy nhiên được hỗ trợ bởi sản lượng từ nhà máy DQ02 – giai đoạn 1).

Biên lợi nhuận gộp đạt 16.7% (cao hơn so với giai đoạn 2023–2024) – sát với kỳ vọng, đến từ việc giá thành phẩm ổn định (để cập trong báo cáo cập nhật KQKD), trong khi giá nguyên liệu đầu vào (quặng sắt, than cốc) có mức giảm mạnh (~10–15% QoQ) và nhà máy DQ02 tối ưu được nhiên liệu (chủ yếu là giảm lượng than cốc đầu vào).

Chi phí SG&A đạt 1,155 tỷ đồng (SG&A/doanh thu đạt 3.2%, tăng so với quý trước do bắt đầu đưa sản phẩm của

DQ02 vào bán hàng thương mại), chi phí tài chính ròng đạt 361 tỷ đồng (-25% QoQ). Qua đó, LN ròng đạt 4,012 tỷ đồng (+32% YoY).

Về mặt tồn kho, số ngày tồn kho bình quân duy trì ở mức cao và đạt 142 ngày, với giá trị hàng tồn kho duy trì ở 45,600 tỷ đồng, cho thấy công ty đang duy trì nguyên liệu cho các hoạt động của nhà máy DQ02 (đặc biệt khi đưa cả hai giai đoạn vào hoạt động trong quý 4). Giá trị tài sản dở dang giảm về 39,000 tỷ đồng, trong khi nguyên giá tài sản cố định tăng lên và đạt 151,000 tỷ đồng – cho thấy doanh nghiệp đã hạch toán doanh thu cho nhà máy DQ02 giai đoạn 1.

“Lợi nhuận quý 3 tăng mạnh so với cùng kỳ, giảm so với quý trước từ mức nền cao.”

SMARTPORTFOLIO 11/2025

KBC

HOSE

Danh mục: TĂNG TRƯỞNG

70

79

53

Chất lượng

Định giá

Động lượng

70

Giá mục tiêu: 44,300

Giá hiện tại: 34,200

Lợi nhuận kỳ vọng: 29.5%

Vùng mua: 32,500 - 34,500

+/- Doanh thu (Q3/25): 41.8%

+/- LNST (Q3/25): 56.6%

EPS: 1,549

ROE: 6.7%

Doanh thu quý 3 đạt 1,347 tỷ đồng (+42% YoY, +130% QoQ), chủ yếu đến từ: (1) 851 tỷ đồng từ cho thuê đất KCN (~25 ha từ KCN Nam Sơn Hạp Lĩnh với giá thuê ~USD 140/m², theo ước tính của chúng tôi); (2) 285 tỷ đồng từ dự án NOXH tại KĐT Tràng Duệ. Doanh thu tích cực và sát với dự báo của chúng tôi (ghi nhận từ cho thuê đất với khách hàng lớn), qua đó LN gộp trong quý 3 đạt 784 tỷ đồng (+118% YoY).

Tuy nhiên, trong kỳ doanh nghiệp ghi nhận chi phí cao hơn ước tính, bao gồm: (1) Chi phí SG&A đạt 207 tỷ đồng (+57% YoY, chi phí SG&A/doanh thu đạt 15%); (2) Chi phí tài chính ròng đạt 147 tỷ đồng (so với việc ghi nhận doanh thu ròng trong các quý trước) – ảnh hưởng từ chi phí lãi

vay. LNST-CDM quý 3 đạt 307 tỷ đồng (+56% YoY, -24% QoQ).

Về tài sản, các điểm đáng chú ý bao gồm: 1/ Khoản phải thu ngắn hạn từ khách hàng duy trì ở mức 1,423 tỷ đồng, phần lớn từ tiền cho thuê đất với khách hàng; 2/ Giá trị hàng tồn kho tiếp tục ở mức cao, đạt 25,000 tỷ đồng, tập trung tại các dự án mà doanh nghiệp đang triển khai (KĐT Tràng Cát, KCN Lộc Giang và Tràng Duệ 03). Dư nợ vay (ngắn và dài hạn) đạt 27,000 tỷ đồng (tỷ lệ nợ vay/VCSH đạt 104%), cho thấy doanh nghiệp vẫn đang vay nợ để tập trung vào phát triển các dự án hiện có.

“Bàn giao đất theo tiến độ tại KCN Nam Sơn Hạp Lĩnh thúc đẩy lợi nhuận quý 3 tăng mạnh.”

SMARTPORTFOLIO 11/2025

MBB

HOSE

Danh mục: TĂNG TRƯỞNG

80

69

73

Chất lượng

Định giá

Động lượng

75

Giá mục tiêu: 30,100

Giá hiện tại: 23,100

Lợi nhuận kỳ vọng: 30.3%

Vùng mua: 22,000 - 24,000

+/- Doanh thu (Q3/25): 22.8%

+/- LNST (Q3/25): -3.8%

EPS: 3,017

ROE: 19.4%

LNTT hợp nhất Q3/2025 đạt 7.3 nghìn tỷ đồng (-1% YoY, -3% QoQ), thấp hơn 19% so với dự báo do trích lập dự phòng giảm giá cho chứng khoán đầu tư (hơn 600 tỷ đồng) và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng cao hơn dự kiến. Lũy kế 9T2025, LNTT đạt 23.1 nghìn tỷ đồng (+12% YoY), hoàn thành 68% dự phóng LNTT cả năm và 73% kế hoạch cả năm.

Tổng thu nhập hoạt động Q3/2025 đạt 15.6 nghìn tỷ đồng (+23% YoY, -10% QoQ). Tăng trưởng tích cực so với cùng kỳ được thúc đẩy bởi thu nhập lãi thuần (+25% YoY), thu nhập từ hoạt động dịch vụ (+49% YoY) và thu nhập khác (+77% YoY). Trong đó: (1) Thu nhập lãi thuần hợp nhất đạt 13.0 nghìn tỷ đồng (+25% YoY, +5% QoQ); (2) Thu nhập từ

hoạt động dịch vụ (NFI) đạt 1.3 nghìn tỷ đồng (+49% YoY); (3) Thu nhập từ hoạt động mua/bán chứng khoán đầu tư và kinh doanh lỗ hơn 350 tỷ đồng; (4) Thu nhập từ hoạt động giảm tỷ lệ sở hữu tại MBS đạt hơn 2 nghìn tỷ đồng.

Chi phí hoạt động tăng 32% YoY, CIR duy trì ở mức 28.9% (Q2/2025: 29.0%). Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng đạt 3.8 nghìn tỷ đồng, tăng 132% YoY so với nền thấp cùng kỳ (nhờ hoàn nhập dự phòng), nhưng giảm 21% QoQ. Mức trích lập này cao hơn 13% so với dự báo, do nợ xấu hình thành ròng hợp nhất tăng mạnh lên 5.9 nghìn tỷ đồng (gấp đôi quý trước và tương đương quy mô Q1/2025).

“Doanh thu Q3/2025 tăng trưởng mạnh dù nợ xấu tăng so với quý trước.”

CẬP NHẬTTHẬN TRỌNGCÂN BẰNGTĂNG TRƯỞNGMIDCAPSMALLCAPĐIỂM NHẤNCHỦ ĐỀTỔNG QUANPHƯƠNG PHÁPDIỄN GIẢI

20

CẬP NHẬTTHẬN TRỌNGCÂN BẰNGTĂNG TRƯỞNGMIDCAPSMALLCAPĐIỂM NHẤNCHỦ ĐỀTỔNG QUANPHƯƠNG PHÁPDIỄN GIẢI

20

SMARTPORTFOLIO 11/2025

VCG

HOSE

Danh mục: TĂNG TRƯỞNG

57

42

58

Chất lượng

Định giá

Động lượng

52

Giá mục tiêu: 32,500

Giá hiện tại: 24,650

Lợi nhuận kỳ vọng: 31.8%

Vùng mua: 25,000 - 26,500

+/- Doanh thu (Q3/25): 65.6%

+/- LNST (Q3/25): 3989.3%

EPS: 1,224

ROE: 34.9%

VCG công bố KQKD Q3/2025 ấn tượng với doanh thu thuần 4,429 tỷ đồng (+66% YoY), đặc biệt lợi nhuận sau thuế công ty mẹ đạt 3,282 tỷ đồng, tăng gần 40 lần so với cùng kỳ, nhờ đóng góp từ cả hoạt động kinh doanh cốt lõi và hoạt động tài chính không thường xuyên.

Doanh thu hoạt động xây lắp đạt 2,865 tỷ đồng (+53% YoY), lợi nhuận gộp 130 tỷ đồng (+9.6% YoY), tuy nhiên biên lợi nhuận gộp giảm còn 4.5% so với 6.3% của Q3/2024. Backlog ước tính đến cuối Q2/2025 đạt hơn 27 nghìn tỷ đồng, gấp 3 lần doanh thu xây lắp cả năm 2024, phản ánh triển vọng tăng trưởng tích cực cho mảng này

Doanh thu mảng bất động sản đạt 635 tỷ đồng (cùng kỳ chỉ 52 tỷ đồng), nhờ bàn giao phần còn lại của dự án

Green Diamond (Hà Nội). VCG hiện còn sở hữu quỹ đất lớn tại các dự án: Vinaconex Móng Cái (Vera Diamond, 43,9 ha), Đại lộ Hòa Bình (48.8 ha), khu đất 1,5 ha tại chợ Mơ (Hà Nội) và KĐT Thiên Ân (Đà Nẵng, 35.5 ha).

Các mảng kinh doanh khác như giáo dục, phân phối nước sạch, cho thuê văn phòng,...đều ghi nhận tăng trưởng doanh thu so với cùng kỳ; trong đó mảng cho thuê văn phòng ghi nhận lãi gộp 51 tỷ đồng. Đáng chú ý, VCG ghi nhận doanh thu tài chính đột biến từ chuyển nhượng 51% cổ phần công ty con VCR, hoàn tất trong tháng 7/2025, mang lại lãi chuyển nhượng sau chi phí 3,072.8 tỷ đồng.

“Lãi ròng Q3/2025 tăng đột biến nhờ hoàn tất chuyển nhượng 51% cổ phần công ty con.”

DIG

HOSE

Danh mục: MIDCAP

59

37

26

Chất lượng

Định giá

Động lượng

46

Giá mục tiêu: 26,000

Giá hiện tại: 19,300

Lợi nhuận kỳ vọng: 34.7%

Vùng mua: 18,000 - 19,500

+/- Doanh thu (Q3/25): 2732.7%

+/- LNST (Q3/25): 2888.5%

EPS: 520

ROE: 4.1%

Doanh thu thuần Q3/2025 của công ty đạt 1,339 tỷ đồng, gấp 27.3 YoY. Trong đó, doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản đóng góp chính với 1,198 tỷ đồng, so với Q3/2024 mục này âm 65 tỷ đồng.

Trừ đi giá vốn bán hàng, lợi nhuận gộp của công ty đạt 327 tỷ đồng, gấp 82 lần so với con số hơn 4 tỷ đồng của quý 3/2024. Doanh thu tài chính chỉ đạt gần 3 tỷ đồng, giảm 88% YoY. Các chi phí tài chính, bán hàng, quản lý doanh nghiệp cũng tăng đáng kể. Tuy nhiên lợi nhuận sau thuế của công ty vẫn đột biến, đạt 193 tỷ đồng, gấp 28.9 lần YoY.

Trong quý 3 vừa qua, DIG đã hoàn tất chuyển nhượng dự án khu nhà ở Lam Hạ Center Point với doanh thu hơn 1.300 tỷ đồng. Tại thời điểm cuối quý 3/2025, doanh

ng nghiệp không còn ghi nhận chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại dự án này, so với cuối quý 2 trước đó là gần 816 tỷ đồng.

Luỹ kế 9 tháng đầu năm, DIG đạt tổng doanh thu 1.766 tỷ đồng, tăng 103% YoY; lợi nhuận trước thuế đạt 273 tỷ đồng, gấp 6,5 lần YoY; lợi nhuận sau thuế đạt 200 tỷ đồng, gấp 13 lần YoY.

Năm 2025, DIG đặt mục tiêu doanh thu hợp nhất đạt 3.500 tỷ đồng (tăng 143% YoY); lợi nhuận trước thuế đạt 718 tỷ đồng (tăng 354% YoY). Như vậy sau 9 tháng, công ty đã hoàn thành hơn 50% kế hoạch doanh thu và 38% kế hoạch lợi nhuận năm.

“Lãi Q3/2025 tăng đột biến nhờ hoàn tất chuyển nhượng dự án khu nhà ở Lam Hạ Center Point.”

DXG

HOSE

Danh mục: MIDCAP

55

53

63

Chất lượng

Định giá

Động lượng

56

Giá mục tiêu: 24,500

Giá hiện tại: 18,850

Lợi nhuận kỳ vọng: 30.0%

Vùng mua: 17,000 - 19,000

+/- Doanh thu (Q3/25): 5.4%

+/- LNST (Q3/25): 202.3%

EPS: 460

ROE: 2.7%

Trong Q3/2025, DXG đạt 164 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, tăng 125% YoY. Động lực tăng trưởng lợi nhuận đến từ tăng trưởng doanh thu bán hàng, doanh thu tài chính, cải thiện biên lợi nhuận gộp và tiết giảm chi phí tài chính. Cụ thể, DXG đạt 1,068 tỷ đồng doanh thu thuần (+5% YoY), lợi nhuận gộp đạt 599 tỷ đồng, tương ứng biên lợi nhuận gộp 56.1% so với 49.9% trong Q3/2024. Theo giải trình của doanh nghiệp, biên lợi nhuận gộp cải thiện nhờ sự chuyển dịch trong cơ cấu doanh thu, với doanh thu môi giới bất động sản tăng mạnh.

Doanh thu tài chính đạt 42 tỷ đồng, gấp hơn 3 lần YoY, chủ yếu từ lãi tiền gửi, khi Đất Xanh nâng lượng tiền mặt nắm giữ lên hơn 4,000 tỷ đồng vào cuối Q3/2025, tăng gần 2,700 tỷ đồng so với đầu năm.

Lũy kế 9 tháng 2025, Đất Xanh đạt 2,727 tỷ đồng doanh thu thuần (-15% YoY) và lợi nhuận sau thuế 511 tỷ đồng (+109% YoY).

Trong cơ cấu doanh thu 9 tháng, mảng môi giới đóng góp lớn nhất với 1,367 tỷ đồng (+65% YoY). Ngược lại, doanh thu bán căn hộ và đất nền giảm 49% YoY, đạt 1,106 tỷ đồng. Doanh thu dịch vụ quản lý, cho thuê và BĐS đầu tư cũng tăng 56% YoY, đạt 275 tỷ đồng.

DXG đặt mục tiêu doanh thu hợp nhất 7,000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 368 tỷ đồng (+46% và +44% YoY). Như vậy, sau 9 tháng, công ty mới hoàn thành 39% kế hoạch doanh thu nhưng đã vượt 39% kế hoạch lợi nhuận năm.

“Lợi nhuận trong 9T2025 tăng trưởng phù hợp kỳ vọng, được hỗ trợ bởi mảng môi giới phục hồi.”

HDG

HOSE

Danh mục: MIDCAP

75

74

42

Chất lượng

Định giá

Động lượng

69

Giá mục tiêu: 35,000

Giá hiện tại: 29,800

Lợi nhuận kỳ vọng: 17.4%

Vùng mua: 27,000 - 29,500

+/- Doanh thu (Q3/25): 25.7%

+/- LNST (Q3/25): 107.1%

EPS: 1,156

ROE: 7.4%

Trong Q3/2025, doanh thu đạt 713 tỷ đồng (+26% YoY), LNST-CĐM báo cáo đạt 285 tỷ đồng, tăng gấp đôi YoY nhờ lợi nhuận gộp mảng năng lượng tăng mạnh (37% YoY), chủ yếu đến từ kết quả vượt trội của mảng thủy điện. Ngoài ra, HDG nhiều khả năng đã ghi nhận 24 tỷ đồng doanh thu từ bán một căn biệt thự tại Charm Villas.

HDG trích lập thêm khoảng 33 tỷ đồng dự phòng ròng cho dự án điện mặt trời Hồng Phong 4 trong Q3/2025, do phương án xử lý cuối cùng vẫn chưa được phê duyệt, theo ước tính của chúng tôi. Như vậy, trong 9T/2025, công ty đã trích lập bổ sung 79 tỷ đồng, tương đương 73% dự báo năm 2025 của chúng tôi, phù hợp với dự báo. HDG không ghi nhận thêm khoản dự phòng mới cho dự án điện mặt

trời Infra 1 trong 9T/2025.

Trong 9T/2025: Doanh thu đạt 1,900 tỷ đồng (-3% YoY); LNST-CĐM báo cáo đạt 421 tỷ đồng (đi ngang YoY); LNST-CĐM cốt lõi đạt 573 tỷ đồng (+35% YoY). Mức tăng trưởng lớn trong LNST-CĐM cốt lõi chủ yếu nhờ lợi nhuận gộp mảng năng lượng tăng mạnh 44% YoY với mảng thủy điện tích cực, trong khi LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đi ngang YoY do ảnh hưởng từ khoảng 106 tỷ đồng lỗ tỷ giá.

“LNST-CĐM quý 3 tăng gấp đôi nhờ mảng thủy điện vượt kỳ vọng.”

CẬP NHẬT

THẬN TRỌNG

CÂN BẰNG

TĂNG TRƯỞNG

MIDCAP

SMALLCAP

ĐIỂM NHẤN

CHỦ ĐỀ

TỔNG QUAN

PHƯƠNG PHÁP

DIỄN GIẢI

21

CẬP NHẬT

THẬN TRỌNG

CÂN BẰNG

TĂNG TRƯỞNG

MIDCAP

SMALLCAP

ĐIỂM NHẤN

CHỦ ĐỀ

TỔNG QUAN

PHƯƠNG PHÁP

DIỄN GIẢI

22

SMARTPORTFOLIO 11/2025

IJC

HOSE

Danh mục: MIDCAP

81

74

47

Chất lượng

Định giá

Động lượng

73

Giá mục tiêu: 14,000

Giá hiện tại: 11,850

Lợi nhuận kỳ vọng: 18.1%

Vùng mua: 11,000 - 11,800

+/- Doanh thu (Q3/25): 255.0%

+/- LNST (Q3/25): 193.7%

EPS: 1,386

ROE: 10.5%

Trong Q3/2025, IJC ghi nhận tổng doanh thu đạt 671.6 tỷ đồng, gấp 3.5 lần cùng kỳ năm ngoái. Kết quả đột biến này đến từ mảng bất động sản khi công ty tiến hành bàn giao nhà cho cư dân.

Với giá vốn tối ưu, kinh doanh bất động sản trong quý 3 ghi nhận lợi nhuận sau thuế khoảng 108 tỷ đồng, trong khi đó mảng hạ tầng tiếp tục hoạt động ổn định. Doanh thu từ bán vé cầu đường trong quý 3 đạt hơn 85,3 tỷ đồng, đóng góp 60 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế vào kết quả hoạt động chung quý 3 của công ty. Lợi nhuận sau thuế Q3/2025 đạt hơn 254 tỷ đồng, gấp 3 lần kết quả thực hiện cùng kỳ năm liền trước. Đây là kết quả kinh doanh tốt nhất của Becamex IJC trong 18 quý

gần đây, kể từ quý đầu năm 2021.

Lũy kế 9 tháng đầu năm nay, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 997 tỷ đồng và 397 tỷ đồng, tăng trưởng 40% và 99%. EPS 9 tháng đầu năm đạt 1,007 đồng, gần gấp đôi mức 580 đồng cùng kỳ. Tại ĐHCĐ năm nay đã thông qua KHKD với lợi nhuận sau thuế hợp nhất là 429 tỷ đồng. Như vậy, sau ba quý, công ty đã thực hiện được 93% kế hoạch đề ra. Với điểm rơi lợi nhuận mảng bất động sản vào cuối năm nay, Becamex IJC khả năng cao sẽ vượt xa kế hoạch lợi nhuận đề ra.

“Lợi nhuận Q3/2025 cao nhất trong 18 quý, nhờ mảng kinh doanh bất động sản khi công ty tiến hành bàn giao nhà.”

SMARTPORTFOLIO 11/2025

TCH

HOSE

Danh mục: MIDCAP

84

58

74

Chất lượng

Định giá

Động lượng

74

Giá mục tiêu: 25,500

Giá hiện tại: 20,150

Lợi nhuận kỳ vọng: 26.6%

Vùng mua: 20,000 - 21,500

+/- Doanh thu (Q3/25): -75.5%

+/- LNST (Q3/25): -81.5%

EPS: 852

ROE: 4.3%

TCH vừa công bố báo cáo tài chính quý 2 năm tài chính 2025, ghi nhận kết quả kinh doanh giảm mạnh do các dự án bất động sản trọng điểm vẫn chưa đến giai đoạn bàn giao.

Trong 6 tháng đầu năm tài chính, TCH đạt 736 tỷ doanh thu giảm 67% YoY, lợi nhuận sau thuế chỉ còn 113 tỷ tương ứng giảm 77% YoY. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc doanh nghiệp chỉ bàn giao một phần nhỏ sản phẩm tồn kho tại các dự án Hoàng Huy Commerce và New City I, khiến doanh thu mảng bất động sản giảm tới 88%, còn 221 tỷ.

Bước sang năm 2025, TCH triển khai đồng loạt ba dự án mới tại Hải Phòng gồm chung cư H2 Commerce, liên kế New City II và liên kế Green River. Theo doanh nghiệp, tỷ lệ

hấp thụ tại các dự án này đạt 30–40%, với tiến độ thu tiền khá tích cực, thể hiện qua số dư người mua trả tiền trước tăng vọt từ 444 tỷ lên 3.087 tỷ tính đến ngày 30/9/2025.

Điểm rơi lợi nhuận của TCH có thể đến từ nửa cuối năm tài chính 2025, khi doanh nghiệp bắt đầu bàn giao Green River và New City II. Dự kiến, doanh thu mảng bất động sản của công ty trong giai đoạn 2025–2027 có thể duy trì quanh mức 8.000 tỷ/năm, với lợi nhuận sau thuế cổ đồng công ty mẹ khoảng 2.000 tỷ tùy thuộc vào tiến độ bán hàng. Dù vậy, trong ngắn hạn, tình hình kinh doanh của TCH vẫn chịu áp lực lớn do chu kỳ bàn giao bị gián đoạn, còn dòng tiền thực tế phụ thuộc nhiều vào tiến độ dự án.

“KQKD Q3/2025 sụt giảm mạnh do các dự án lớn đã đã hoàn tất bàn giao và ghi nhận doanh thu trong các kỳ trước.”

SMARTPORTFOLIO 11/2025

PVD

HOSE

Danh mục: MIDCAP

76

58

47

Chất lượng

Định giá

Động lượng

65

Giá mục tiêu: 27,000

Giá hiện tại: 22,150

Lợi nhuận kỳ vọng: 21.9%

Vùng mua: 19,500 - 21,000

+/- Doanh thu (Q3/25): 5.4%

+/- LNST (Q3/25): 53.1%

EPS: 1,602

ROE: 5.4%

Trong Q3/2025, PVD ghi nhận doanh thu đạt 2,571 tỷ đồng (+5% YoY) và LNST-CDM tăng mạnh 53% YoY, lên mức 278 tỷ đồng. Động lực chính của sự tăng trưởng này chủ yếu đến từ lợi nhuận gộp các mảng kinh doanh cốt lõi của PVD đều tăng trưởng tốt, tăng lần lượt 17% và 92% đối với mảng khoan và dịch vụ giếng khoan. Bên cạnh đó, doanh thu từ công ty liên doanh liên kết cũng ghi nhận mức lãi 35 tỷ đồng (+26% YoY).

Biên lợi nhuận gộp tăng mạnh lên mức 23.7% (so với mức 21.4% của Q2 và 18.4% cùng kỳ), chủ yếu nhờ đóng góp tích cực từ mảng khoan. Biên lợi nhuận gộp mảng khoan tăng lên mức 24.1% – mức cao nhất kể từ Q1/2024, nhờ hiệu suất cho thuê giàn cao và giá cho thuê ước tính tăng nhẹ YoY, bù đắp cho mức tăng từ chi phí quản lý doanh nghiệp (SG&A) trong kỳ.

Lũy kế 9 tháng đầu năm, PVD lần lượt hoàn thành 90% kế hoạch doanh thu và 127% kế hoạch LNST-CDM, so với ước tính của chúng tôi thì lần lượt hoàn thành 69% doanh thu và 83% LNST-CDM. Chúng tôi duy trì dự báo cho cả năm 2025 với tổng doanh thu và LNST CDM ước đạt lần lượt 9,440 tỷ đồng (+1.6% YoY) và 780 tỷ đồng (+11.8% YoY).

Trong Q4/2025, PVD kỳ vọng giá thuê giàn khoan tự nâng dao động trong khoảng 90,000 – 95,000 USD/ngày, tăng nhẹ so với cùng kỳ. Theo S&P Global, giá thuê trung bình khu vực Đông Nam Á trong tháng 8/2025 dao động từ 105,000 – 116,000 USD/ngày (bình quân 110,500 USD/ngày, đi ngang YoY; +36% YTD), phản ánh mặt bằng giá thuê duy trì ở mức cao.

“Lợi nhuận Q3/2025 tăng mạnh nhờ các mảng kinh doanh cốt lõi của PVD đều tăng trưởng tốt.”

SMARTPORTFOLIO 11/2025

HSG

HOSE

Danh mục: MIDCAP

70

53

58

Chất lượng

Định giá

Động lượng

62

Giá mục tiêu: 23,600

Giá hiện tại: 16,750

Lợi nhuận kỳ vọng: 40.9%

Vùng mua: 15,500 - 17,000

+/- Doanh thu (Q3/25): -17.3%

+/- LNST (Q3/25): 145.6%

EPS: 1,178

ROE: 6.5%

Doanh thu và lợi nhuận gộp Q4-NĐTC/2025 đạt lần lượt 9,500 tỷ đồng (-12.3% YoY, +12.5% QoQ) và 1,212 tỷ đồng (-9.3% YoY, +12.7% QoQ). Biên lợi nhuận gộp qua đó đạt 12.8%, tương đương quý trước và là mức cao trong giai đoạn 2023–2025.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp đạt 960 tỷ đồng – tương ứng 10.1% doanh thu thuần (+59 bps YoY, -66 bps QoQ). Trong niên độ, HSG ghi nhận khoảng 29 tỷ đồng thanh lý tài sản cố định, kết hợp với mức thuế suất hiệu quả khá thấp (6% so với 10% và 12% hai quý trước, tương ứng 16.5 tỷ), lợi nhuận sau thuế của công ty đạt 274 tỷ đồng (+0.1% YoY, +33.3% QoQ). Biên lợi nhuận ròng

Về sản lượng, tổng tiêu thụ ống thép và tôn mạ lũy kế 9 tháng NĐTC 2024–2025 đạt lần lượt 311,000 tấn (+20% YoY) và 1.07 triệu tấn (-5% YoY), trong đó sản lượng tôn nội địa tăng 32% YoY, bù đắp cho 39% sụt giảm từ thị trường xuất khẩu.

Chúng tôi duy trì quan điểm HSG sẽ vượt kế hoạch kinh doanh trong NĐTC 2025 từ kỳ vọng kết quả kinh doanh quý 3/2025 (tương ứng quý cuối NĐTC 2024–2025) tiếp tục tích cực.

“Lợi nhuận Q4-NĐTC/2025 đảo chiều so với cùng kỳ năm trước”

CẬP NHẬT

THẬN TRỌNG

CÂN BẰNG

TĂNG TRƯỞNG

MIDCAP

SMALLCAP

ĐIỂM NHẤN

CHỦ ĐỀ

TỔNG QUAN

PHƯƠNG PHÁP

DIỄN GIẢI

24

SMARTPORTFOLIO 11/2025

SCS

HOSE

Danh mục: MIDCAP

76

42

32

Chất lượng

Định giá

Động lượng

57

Giá mục tiêu: 85,000

Giá hiện tại: 55,900

Lợi nhuận kỳ vọng: 52.1%

Vùng mua: 50,000 - 53,000

+/- Doanh thu (Q3/25): 17.2%

+/- LNST (Q3/25): 9.8%

EPS: 7,183

ROE: 48.6%

Doanh thu và LNST của SCS lần lượt đạt 311 tỷ đồng (+7% QoQ và 17% YoY) và 204 tỷ đồng (8% QoQ và +10% YoY), phù hợp với dự phóng của chúng tôi (dự phóng doanh thu và LNST lần lượt đạt 303 tỷ đồng và 196 tỷ đồng, tương ứng cao hơn 3% và 4% so với dự báo).

Trong đó, doanh thu khai thác nhà ga hàng hóa đạt 294 tỷ đồng (+18% YoY), đây là lĩnh vực kinh doanh trọng yếu của SCS, chiếm tỷ trọng 95% tổng doanh thu. Cụ thể: (1) Sản lượng quốc tế: đạt 59 nghìn tấn (+13% YoY); (2) Sản lượng nội địa: đạt 13 nghìn tấn (-12% YoY). Khách hàng lớn là Vietjet dù chưa dẫn dắt ổn định các dịch vụ mặt đất nên vẫn có tác động tới các dịch vụ hàng hóa. Dù vậy sản lượng hàng hóa nội địa có sự cải thiện nhẹ khi đã giảm về sản lượng chậm dần. Hàng hóa nội địa chỉ đóng góp

SMARTPORTFOLIO 11/2025

PC1

HOSE

Danh mục: MIDCAP

78

47

68

Chất lượng

Định giá

Động lượng

57

Giá mục tiêu: 28,000

Giá hiện tại: 24,150

Lợi nhuận kỳ vọng: 15.9%

Vùng mua: 22,000 - 23,500

+/- Doanh thu (Q3/25): 46.9%

+/- LNST (Q3/25): 88.5%

EPS: 1,584

ROE: 7.0%

PC1 công bố KQKD Q3/2025 với tổng doanh thu đạt 3,278 tỷ đồng (+47% YoY) và LNST-CĐM đạt 394 tỷ đồng (+52% YoY), cao hơn 52%/200% so với dự phóng của chuyên viên. Kết thúc Q3/2025, Công ty đã hoàn thành 60%/84% kế hoạch doanh thu/LNST-CĐM đặt ra cho năm 2025.

Cụ thể: Doanh thu mảng xây lắp đạt 1,738 tỷ đồng (+146% YoY) nhờ tham gia nhiều dự án xây dựng mạng lưới điện của EVN, điển hình như dự án đường dây 500kV Lào Cai – Vĩnh Yên và đường điện cáp ngầm ra Côn Đảo. Đáng chú ý, biên lợi nhuận gộp của mảng này cũng cải thiện đáng kể, đạt 9.2% (+4.8 pps YoY); Mảng sản xuất công nghiệp tăng trưởng mạnh với doanh thu đạt 336 tỷ đồng (+109% YoY). Tuy nhiên, biên lợi nhuận gộp của mảng này đã giảm

khoảng 5% vào doanh thu khai thác nhà ga nên sự sụt giảm này không ảnh hưởng lớn đến doanh thu của SCS trong Q3-FY25.

Doanh thu tài chính đạt 18 tỷ đồng (+51% YoY), đóng góp tỷ trọng 7% vào LNTT.

Lũy kế 9T2025, doanh thu và LNST của SCS lần lượt đạt 868 tỷ đồng (+17% YoY) và 563 tỷ đồng (+8% YoY), tương ứng hoàn thành 74%/82% kế hoạch năm và 76%/82% dự phóng của chúng tôi.

“KQKD quý 3 vượt kỳ vọng nhờ ghi nhận thông lượng hàng hóa quốc tế và giá dịch vụ trung bình ở mức cao.”

2.4 pps YoY. Doanh thu bán điện của PC1 tăng 7% YoY, đạt 478 tỷ đồng. Biên lợi nhuận phát điện của PC1 tăng nhẹ (+2.9 pps YoY), đạt 55%; Doanh thu khai thác niken của công ty ghi nhận 443 tỷ đồng (-21% YoY). Tuy nhiên, biên lợi nhuận gộp của mảng này tăng 15 pps YoY, đạt 43.6%.

PC1 đang trong quá trình đầu tư xây dựng 2 dự án thủy điện Bảo Lạc A và Thượng Hà, dự kiến hoàn thành và đi vào phát điện trong Q4/2026; Dự án điện mặt trời nổi Trung Thu đang trong quá trình nghiên cứu khả thi; Dự án KCN Nomura 2 (Hải Phòng) đang trong giai đoạn giải phóng mặt bằng, dự kiến bắt đầu xây dựng trong Q4/2025.

“LNST-CĐM quý 3 gần như tăng gấp đôi nhờ mảng xây lắp điện tăng trưởng mạnh.”

SMARTPORTFOLIO 11/2025

VHC

HOSE

Danh mục: MIDCAP

78

47

68

Chất lượng

Định giá

Động lượng

46

Giá mục tiêu: 68,000

Giá hiện tại: 57,200

Lợi nhuận kỳ vọng: 18.9%

Vùng mua: 52,000 - 55,000

+/- Doanh thu (Q3/25): 5.9%

+/- LNST (Q3/25): 35.0%

EPS: 6,944

ROE: 16.5%

Doanh thu thuần Q3/2025 đạt 3,471 tỷ đồng (+6% YoY) và LNST-CĐM đạt 433 tỷ đồng (+35% YoY). Doanh thu tăng nhẹ nhờ doanh thu mảng phụ phẩm/C&G tăng trưởng lần lượt 29%/20%, trong khi mảng cá fillet giảm 8% YoY. Dựa trên số liệu hải quan, mảng cá tra fillet giảm 8% YoY do sản lượng giảm 7%, trong khi giá bán cá tra quy đổi VND chỉ giảm nhẹ 1.6% YoY

Biên gộp Q3/2025 đạt 16.8%, giảm nhẹ so với mức 17.7% của Q3/2024 do giá bán cá tra giảm. Tỷ lệ chi phí BH&QLDN/ doanh thu đạt 4.2%, giảm nhẹ so với mức 4.9% của Q3/2024 do chi phí bán hàng giảm 21% YoY nhờ chi phí vận chuyển giảm 20% YoY do giá cước vận chuyển ước giảm 50% YoY.

Lợi nhuận tài chính đạt 94 tỷ đồng, tăng 118 tỷ đồng từ mức lỗ 25 tỷ trong Q3/2024 nhờ khoản lãi chênh lệch tỷ giá 56 tỷ đồng và khoản lời từ đầu tư chứng khoán 26 tỷ đồng. Khoản mục đầu tư chứng khoán Q3/2025 đạt 24 tỷ đồng, giảm mạnh so với mức 161 tỷ đồng tại đầu năm 2025.

KQKD Q3/2025 không có nhiều đột biến khi giá bán và sản lượng cá tra không tăng trưởng. Tuy nhiên, chúng tôi kỳ vọng Q4/2025 sẽ tích cực hơn nhờ mùa lễ hội đến gần, giúp giá bán tăng trở lại.

“Điểm sáng trong KQKD quý 3 nằm ở doanh thu tài chính tăng mạnh gấp đôi cùng kỳ.”

SMARTPORTFOLIO 11/2025

DDV

HOSE

Danh mục: MIDCAP

78

47

68

Chất lượng

Định giá

Động lượng

66

Giá mục tiêu: 40,000

Giá hiện tại: 29,700

Lợi nhuận kỳ vọng: 34.7%

Vùng mua: 27,000 - 30,500

+/- Doanh thu (Q3/25): 85.1%

+/- LNST (Q3/25): 988.1%

EPS: 3,787

ROE: 28.7%

Doanh thu thuần đạt 1,396 tỷ đồng (+85% YoY) nhờ giá bán trung bình đạt 17,740 nghìn đồng/kg (+35% YoY, +9% QoQ) và sản lượng tăng nhẹ 3% YoY. Bên cạnh đó, doanh thu mảng hóa chất tăng 386 tỷ đồng. Biên gộp đạt đỉnh lịch sử trong một quý tại 21.9%, từ mức 14.9% của Q2/2025 và 11.8% của Q3/2025. Biên gộp cải thiện mạnh mẽ nhờ mảng DAP. Biên gộp mảng DAP đạt 20% (+1,960 bps YoY; +1,140 bps QoQ) nhờ giá bán tăng 9% QoQ trong khi giá vốn/sản phẩm có phần chững lại so với quý trước. Biên gộp mảng hóa chất đạt 14% (-103 bps YoY; -220 bps QoQ).

Doanh thu tài chính đạt 19.5 tỷ đồng (+184% YoY), trong khi chi phí SG&A chỉ tăng nhẹ 5%, đã giúp LNST-CĐM của doanh nghiệp ghi nhận mức cao lịch sử theo quý tại 221 tỷ đồng (+988% YoY). Lũy kế 9T/2025, doanh thu thuần đạt 4,153 tỷ đồng (+68% YoY) và LNST-CĐM đạt 496 tỷ

đồng (+348% YoY).

Doanh thu tương đương ước tính của chúng tôi tại 1,357 tỷ đồng. Tuy nhiên, LNST-CĐM gần gấp đôi ước tính của chúng tôi tại 111 tỷ đồng, chủ yếu do biên gộp ước tính của chúng tôi thấp vì giá bán kỳ vọng thấp hơn.

Với KQKD 9T/2025 ấn tượng, chúng tôi kỳ vọng LNST-CĐM năm 2025 đạt khoảng 720 tỷ đồng (+328% YoY), khi giá bán DAP chưa có xu hướng giảm và giá bán DAP hiện tại thấp hơn Trung Quốc, nên rủi ro Trung Quốc xuất khẩu trở lại vẫn ở mức thấp.

“LNST-CĐM của doanh nghiệp ghi nhận mức cao lịch sử theo quý tại 221 tỷ đồng (+988% YoY).”

CẬP NHẬTTHẬN TRỌNGCÂN BẰNGTĂNG TRƯỞNGMIDCAPSMALLCAPĐIỂM NHẤNCHỦ ĐỀTỔNG QUANPHƯƠNG PHÁPDIỄN GIẢI

25

CẬP NHẬTTHẬN TRỌNGCÂN BẰNGTĂNG TRƯỞNGMIDCAPSMALLCAPĐIỂM NHẤNCHỦ ĐỀTỔNG QUANPHƯƠNG PHÁPDIỄN GIẢI

26

SMARTPORTFOLIO 11/2025

PVT

HOSE

Danh mục: MIDCAP

70

79

47

Chất lượng

Định giá

Động lượng

69

Giá mục tiêu: 21,400

Giá hiện tại: 17,400

Lợi nhuận kỳ vọng: 23.0%

Vùng mua: 16,000 - 17,000

+/- Doanh thu (Q3/25): 50.6%

+/- LNST (Q3/25): -27.8%

EPS: 2,090

ROE: 9.1%

Trong Q3/2025, PVT ghi nhận doanh thu hợp nhất đạt 4,419 tỷ đồng, tăng mạnh 51% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, LNST-CĐM chỉ đạt 263 tỷ đồng, giảm 28% so với cùng kỳ. Diễn biến trái chiều giữa tăng trưởng doanh thu và sụt giảm lợi nhuận tiếp tục cho thấy áp lực lớn lên hiệu quả hoạt động cốt lõi của doanh nghiệp.

Về cơ cấu doanh thu, điểm sáng lớn nhất trong kỳ đến từ mảng thương mại và các mảng khác, với doanh thu tăng gần 3.9 lần lên mức 1,772 tỷ đồng, song biên lợi nhuận mảng này khá mỏng (<1%) nên không có đóng góp đáng kể đến lợi nhuận chung của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, mảng vận tải – vốn là hoạt động cốt lõi – ghi nhận mức lợi nhuận gộp giảm 4% YoY, cho thấy rõ tác động tiêu cực từ diễn biến thị trường và chi phí đầu vào tăng.

SMARTPORTFOLIO 11/2025

LHG

HOSE

Danh mục: SMALLCAP

78

53

47

Chất lượng

Định giá

Động lượng

64

Giá mục tiêu: 46,800

Giá hiện tại: 30,150

Lợi nhuận kỳ vọng: 55.2%

Vùng mua: 28,500 - 30,000

+/- Doanh thu (Q3/25): 23.7%

+/- LNST (Q3/25): 9.4%

EPS: 5,887

ROE: 16.9%

Doanh thu quý 3 đạt 112 tỷ đồng (+23% YoY, -50% QoQ), bao gồm: (1) 55 tỷ đồng từ cho thuê NXXS - khi công ty đã cho thuê với tỷ lệ lấp đầy cao tại các NXXS hiện có, và chưa có dự án mới vào hoạt động; (2) Công ty không ghi nhận doanh thu từ cho thuê đất KCN khi chưa có khách hàng thuê mới (so với kết quả tích cực trong 1H2025); (3) 56 tỷ đồng doanh thu khác (chủ yếu là cung cấp dịch vụ trong KCN).

Qua đó, lợi nhuận gộp ghi nhận sự suy giảm so với quý trước và đạt 52 tỷ đồng (-59% QoQ). Trong kỳ LHG ghi nhận doanh thu tài chính đạt 18 tỷ đồng (chủ yếu là lãi tiền gửi); tổng hợp lại doanh nghiệp ghi nhận LNST ở mức khiêm tốn và đạt 46 tỷ đồng (+10% YoY, -49% QoQ) – sát với kỳ vọng khi doanh nghiệp không ghi nhận doanh thu

SMARTPORTFOLIO 11/2025

DPR

HOSE

Danh mục: SMALLCAP

68

42

37

Chất lượng

Định giá

Động lượng

54

Giá mục tiêu: 43,200

Giá hiện tại: 38,950

Lợi nhuận kỳ vọng: 10.9%

Vùng mua: 35,000 - 36,500

+/- Doanh thu (Q3/25): 38.4%

+/- LNST (Q3/25): 210.0%

EPS: 4,002

ROE: 11.0%

Doanh thu Q3/2025 ghi nhận 482 tỷ đồng (+139% QoQ, +38% YoY), vượt kỳ vọng chuyên viên. LNST-CĐM đạt 137 tỷ đồng (+161% QoQ, +210% YoY), vượt kỳ vọng chuyên viên. Với biên lợi nhuận gộp và biên lợi nhuận ròng lần lượt đạt 37% và 28%.

Doanh thu tiếp tục được dẫn dắt bởi mảng cao su, ghi nhận 397 tỷ đồng (+142% QoQ, +32% YoY), chủ yếu do giá cao su Q3/2025 hiện vẫn duy trì ở mức 48 triệu đồng/tấn, cao hơn 4.9% so với cùng kỳ năm ngoái và sản lượng tăng mạnh so với cùng kỳ, đạt 5760 tấn (+25% YoY). Biên gộp mảng này đạt 29% (tăng 3% so với Q2/2025 và tương đương so với cùng kỳ 2024).

Nhìn chung, kết quả kinh doanh Q3/2025 cả DPR vượt kỳ

SMARTPORTFOLIO 11/2025

HT1

HOSE

Danh mục: SMALLCAP

57

53

53

Chất lượng

Định giá

Động lượng

55

Giá mục tiêu: 19,500

Giá hiện tại: 16,100

Lợi nhuận kỳ vọng: 21.1%

Vùng mua: 15,000 - 16,000

+/- Doanh thu (Q3/25): 13.9%

+/- LNST (Q3/25): 279.9%

EPS: 538

ROE: 4.2%

Trong Q3/2025, HT1 ghi nhận doanh thu thuần đạt 1,866.5 tỷ đồng, tăng 14% so với cùng kỳ năm ngoái. Nhờ kiểm soát tốt chi phí, đặc biệt là giá vốn hàng bán chỉ tăng 10%, lợi nhuận gộp theo đó đạt 240.8 tỷ đồng, tăng mạnh 49%.

Bên cạnh đó, doanh thu tài chính tăng hơn gấp đôi lên 7.6 tỷ đồng, trong khi chi phí tài chính giảm 28% xuống 23.7 tỷ đồng. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp lần lượt tăng 12% và 7%, đạt 46 tỷ đồng và 70,2 tỷ đồng. Sau khi trừ đi các chi phí và thuế, lợi nhuận sau thuế của HT1 đạt 85.8 tỷ đồng, tăng 279.9% so với Q3/2024.

HT1 cho biết sản lượng tiêu thụ xi măng trong kỳ tăng 18%, cùng với việc kiểm soát chi phí sản xuất và giá nguyên liệu đầu vào. Ngoài ra, tăng thu nhập từ việc thu

SMARTPORTFOLIO 11/2025

HT1

HOSE

Danh mục: SMALLCAP

57

53

53

Chất lượng

Định giá

Động lượng

55

Giá mục tiêu: 19,500

Giá hiện tại: 16,100

Lợi nhuận kỳ vọng: 21.1%

Vùng mua: 15,000 - 16,000

+/- Doanh thu (Q3/25): 13.9%

+/- LNST (Q3/25): 279.9%

EPS: 538

ROE: 4.2%

phí hoàn vốn cho dự án xây dựng đường nối từ đường Nguyễn Duy Trinh vào khu công nghiệp Phú Hữu TP.HCM giúp lợi nhuận tăng.

Lũy kế 9 tháng năm 2025, doanh thu thuần của HT1 đạt 5,384.2 tỷ đồng, tăng 7% và lợi nhuận sau thuế đạt 188.9 tỷ đồng, tăng 331% so với cùng kỳ năm 2024.

Sau 9 tháng, HT1 thực hiện được 75% mục tiêu doanh thu và vượt 3% mục tiêu lợi nhuận năm.

“HT1 bứt phá lợi nhuận, tăng trưởng 331% sau 9 tháng đầu năm 2025.”

SMARTPORTFOLIO 11/2025

HT1

HOSE

Danh mục: SMALLCAP

57

53

53

Chất lượng

Định giá

Động lượng

55

Giá mục tiêu: 19,500

Giá hiện tại: 16,100

Lợi nhuận kỳ vọng: 21.1%

Vùng mua: 15,000 - 16,000

+/- Doanh thu (Q3/25): 13.9%

+/- LNST (Q3/25): 279.9%

EPS: 538

ROE: 4.2%

Trong Q3/2025, HT1 ghi nhận doanh thu thuần đạt 1,866.5 tỷ đồng, tăng 14% so với cùng kỳ năm ngoái. Nhờ kiểm soát tốt chi phí, đặc biệt là giá vốn hàng bán chỉ tăng 10%, lợi nhuận gộp theo đó đạt 240.8 tỷ đồng, tăng mạnh 49%.

Bên cạnh đó, doanh thu tài chính tăng hơn gấp đôi lên 7.6 tỷ đồng, trong khi chi phí tài chính giảm 28% xuống 23.7 tỷ đồng. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp lần lượt tăng 12% và 7%, đạt 46 tỷ đồng và 70,2 tỷ đồng. Sau khi trừ đi các chi phí và thuế, lợi nhuận sau thuế của HT1 đạt 85.8 tỷ đồng, tăng 279.9% so với Q3/2024.

HT1 cho biết sản lượng tiêu thụ xi măng trong kỳ tăng 18%, cùng với việc kiểm soát chi phí sản xuất và giá nguyên liệu đầu vào. Ngoài ra, tăng thu nhập từ việc thu

27

28

SMARTPORTFOLIO 11/2025

TNG

HNX

Danh mục: **SMALLCAP**

65

84

47

Chất lượng

Định giá

Động lượng

0

100

68

Giá mục tiêu: 22,300

Giá hiện tại: 19,200

Lợi nhuận kỳ vọng: 16.1%

Vùng mua: 18,000 - 19,000

+/- Doanh thu (Q3/25): 11.7%

+/- LNST (Q3/25): 5.3%

EPS: 2,883

ROE: 18.8%

Doanh thu thuần Q3/2025 đạt 2,633 tỷ đồng (+12% YoY), phù hợp với dự phóng của chúng tôi (2,542 tỷ đồng, tương ứng cao hơn 4% so với dự phóng). Chúng tôi cho rằng doanh thu tăng trưởng nhờ thị trường Châu Âu, với khách hàng là Decathlon đẩy mạnh nhập hàng cho mùa cao điểm. LNST của TNG đạt 117 tỷ đồng (+5% YoY), phù hợp với dự phóng của chúng tôi (122 tỷ đồng, tương ứng thấp hơn 4% so với dự phóng). Mặc dù biên gộp bị thu hẹp, nhưng nhờ tối ưu chi phí BH&QLDN đã giúp TNG tiếp tục duy trì được đà mở rộng biên ròng lên 5.0% từ mức 4.7% của cùng kỳ.

Giá vốn hàng bán ghi nhận 2,273 tỷ đồng (+13% YoY). Giá vốn tăng nhanh hơn so với doanh thu đã làm thu hẹp biên gộp của TNG. Biên lợi nhuận gộp bị thu hẹp từ 14.4%

SMARTPORTFOLIO 11/2025

GEG

HOSE

Danh mục: **SMALLCAP**

28

42

74

Chất lượng

Định giá

Động lượng

0

100

40

Giá mục tiêu: 17,300

Giá hiện tại: 15,500

Lợi nhuận kỳ vọng: 11.6%

Vùng mua: 13,500 - 14,500

+/- Doanh thu (Q3/25): 23.6%

+/- LNST (Q3/25): 373.0%

EPS: 1,538

ROE: 10.3%

Doanh thu thuần đạt 671 tỷ đồng (+8% QoQ, +24% YoY), cao hơn 17% so với mức doanh thu dự phóng của chuyên viên. Sản lượng phát điện: tổng sản lượng của công ty trong quý đạt 391 triệu kWh (+9% YoY). Trong đó, sản lượng thủy điện và điện gió của GEG đều tăng trưởng tích cực, lần lượt +11% và +14% YoY; tuy nhiên, sản lượng điện mặt trời của công ty giảm nhẹ (-2% YoY).

Giá bán: giá bán trung bình toàn công ty duy trì mức tăng 18% YoY, đạt 1,706 đồng/kWh, chủ yếu nhờ giá bán trung bình của nhóm điện gió tăng 32% YoY. Mức tăng này đến từ nhà máy điện gió Tân Phú Đông 1 đã hoàn tất đàm phán PPA, với giá bán chính thức ở mức 1.813 đồng/kWh, tăng gấp đôi so với mức 50% giá chuyển tiếp trước đây.

Lợi nhuận gộp: đạt 273 tỷ đồng (+18% QoQ, +36% YoY), tương đương biên lợi nhuận gộp đạt 48% (+4 pps YoY). Sự cải thiện biên Lợi nhuận gộp đến từ giá bán chính thức Tân Phú Đông 1 cao hơn so với mức giá tạm tính trong Q3/2024. LNST-CDM đạt 74,6 tỷ đồng (-55% QoQ) và cải thiện so với mức lỗ 27 tỷ đồng trong Q3/2024, chủ yếu nhờ vào cải thiện trong sản lượng và giá bán của nhóm điện gió. KQKD của GEG đang đi vào chu kỳ tăng trưởng, với LNST-CDM trong Q3/2025 cao hơn 179% so với mức dự phóng của chuyên viên.

“Lợi nhuận quý 3 tăng đột biến chủ yếu do doanh thu bán điện tăng, nhờ Nhà máy Điện gió TPĐ1 và trụ A7 (thuộc Nhà máy Điện gió VPL) đã có giá bán điện chính thức.”

CẬP NHẬT

THẬN TRỌNG

CÂN BẰNG

TĂNG TRƯỞNG

MIDCAP

SMALLCAP

ĐIỂM NHẤN

CHỦ ĐỀ

TỔNG QUAN

PHƯƠNG PHÁP

DIỄN GIẢI

29

SMARTPORTFOLIO 11/2025

CTI

HOSE

Danh mục: **SMALLCAP**

54

63

63

Chất lượng

Định giá

Động lượng

0

100

58

Giá mục tiêu: 28,000

Giá hiện tại: 21,850

Lợi nhuận kỳ vọng: 28.1%

Vùng mua: 22,000 - 23,500

+/- Doanh thu (Q3/25): 32.9%

+/- LNST (Q3/25): 15.6%

EPS: 2,006

ROE: 7.5%

CTI tiếp tục ghi nhận sự tăng trưởng với doanh thu thuần đạt 363 tỷ đồng (+33% YoY), LNST-CDM đạt 39 tỷ đồng (+16% YoY), lũy kế 9T2025, LNST-CDM ghi nhận 101,4 tỷ đồng (+24% YoY và hoàn thành vượt kế hoạch của năm 2025).

Các mảng kinh doanh chủ lực như BOT, xây lắp, đá xây dựng,...đều ghi nhận sự tăng trưởng. Mức tăng mạnh nhất thuộc về mảng đá xây dựng, đóng góp chủ lực là mỏ Xuân Hòa với doanh thu lũy kế 9 tháng 2025 là 77,8 tỷ đồng (gấp gần 4 lần svck), mảng đóng góp nhiều nhất là BOT ghi nhận sự tăng trưởng doanh thu mạnh của BOT 319 với doanh thu hơn 116 tỷ đồng (+ 64% YoY), hưởng lợi nhờ cầu Long Bình (cao tốc TP.HCM- Dầu Giây) phải dừng sửa chữa.

Đây là KQKD tương đối khả quan khi trong kỳ, công ty tiếp tục trích lập 35,6 tỷ đồng cho dự án Đảo Ó, trong khi giá trị tài sản chuyển nhượng chỉ ghi nhận gần 19 tỷ đồng. Các tài sản dở dang trong kỳ không ghi nhận sự biến động lớn.

Nhận định: ngắn hạn tiếp tục chờ đợi catalyst lớn nhất là việc dự án BOT Quốc lộ 91 Cần Thơ được đền bù và việc triển khai dự án mỏ đá Thiện Tân 10, cũng như hoàn thiện thủ tục tài chính đối với KDC Phước Tân.

“KQKD Q3/2025 khả quan khi các mảng kinh doanh chủ lực đều ghi nhận sự tăng trưởng.”

SMARTPORTFOLIO 11/2025

THG

HOSE

Danh mục: **SMALLCAP**

78

68

47

Chất lượng

Định giá

Động lượng

0

100

58

Giá mục tiêu: 59,500

Giá hiện tại: 49,050

Lợi nhuận kỳ vọng: 21.3%

Vùng mua: 46,000 - 49,500

+/- Doanh thu (Q3/25): 3.3%

+/- LNST (Q3/25): -10.7%

EPS: 5,544

ROE: 22.8%

Trong quý 3, doanh thu công ty tăng trưởng 3.31% so với cùng kỳ, giá vốn tăng 4.08% so với cùng kỳ. Thêm vào đó, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 1.75% so với cùng kỳ, trong khi chi phí bán hàng tăng 4.48% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế đạt 45.25 tỷ đồng, giảm 10.66% so với cùng kỳ.

Theo doanh nghiệp, lợi nhuận sau thuế trong quý 3 giảm so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do tăng chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và chi phí lãi vay trong kỳ.

Kết quả trong 9 tháng đầu năm, doanh thu đạt 1,705.66 tỷ đồng, tăng 36.53% so với cùng kỳ, lợi nhuận lũy kế đạt 116.9 tỷ đồng, tăng 35.74% so với cùng kỳ.

Về tình hình tài chính trong quý 3/2025, chi phí tài chính tăng 106.04% so với cùng kỳ, trong đó chi phí lãi vay tăng 102.15% so với cùng kỳ.

Về hoạt động đầu tư, công ty tiếp tục đẩy mạnh đầu tư vào tài sản cố định trong 9 tháng đầu năm, nguyên giá tài sản cố định đạt 881.73 tỷ đồng vào cuối quý 3/2025. Công ty tăng vốn điều lệ lên 311.3 tỷ đồng.

“Lợi nhuận Q3/2025 giảm 10.7% YoY do tăng chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và chi phí lãi vay trong kỳ.”

CẬP NHẬT

THẬN TRỌNG

CÂN BẰNG

TĂNG TRƯỞNG

MIDCAP

SMALLCAP

ĐIỂM NHẤN

CHỦ ĐỀ

TỔNG QUAN

PHƯƠNG PHÁP

DIỄN GIẢI

30

SMALLCAP



KQKD đang dưới kỳ vọng do khả năng tăng sản lượng VLB

SMALLCAP



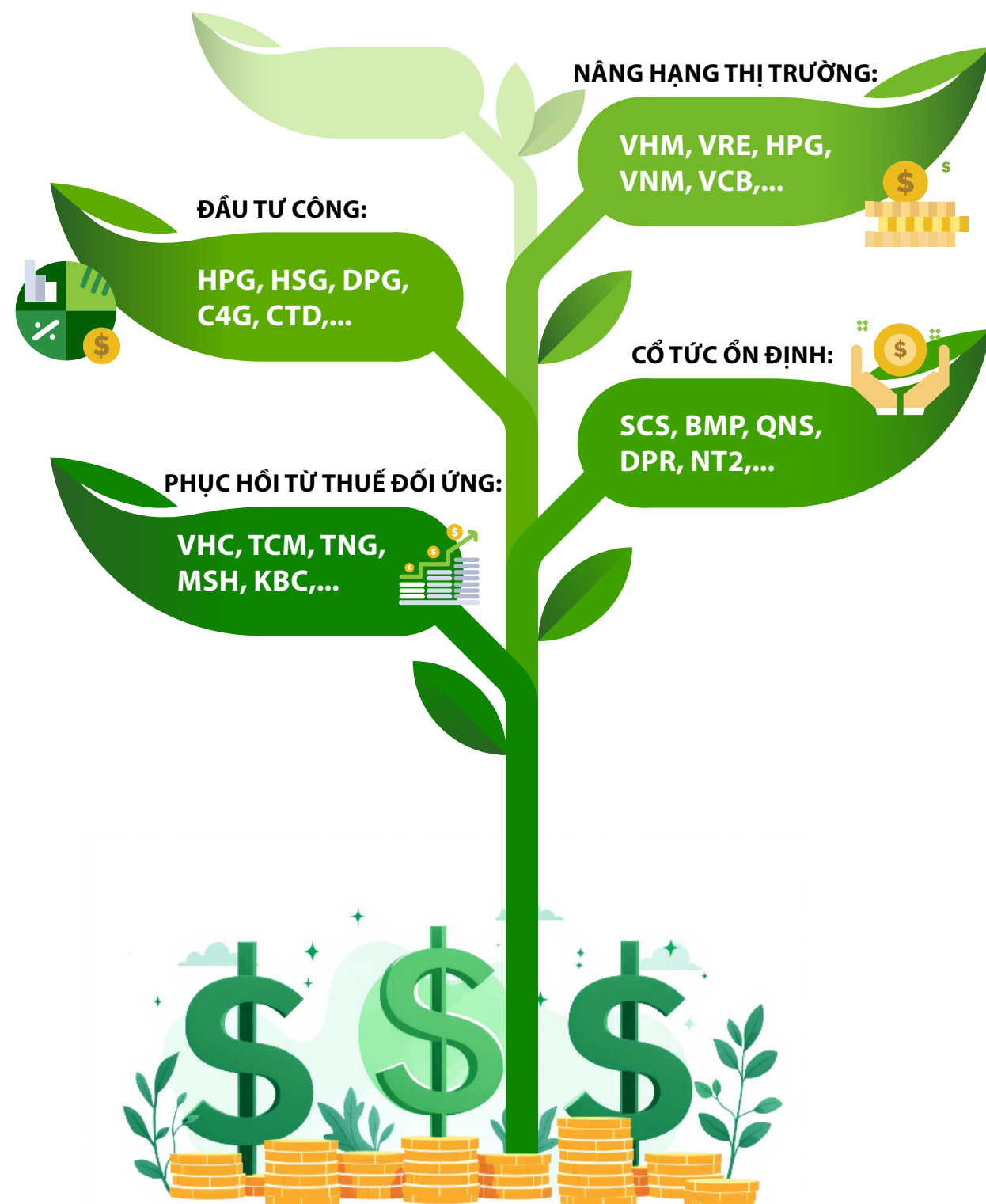
"KCN NTC3 tiếp tục đóng vai trò là động lực tăng trưởng chính cho KQKD 9T2025."

SMALLCAP



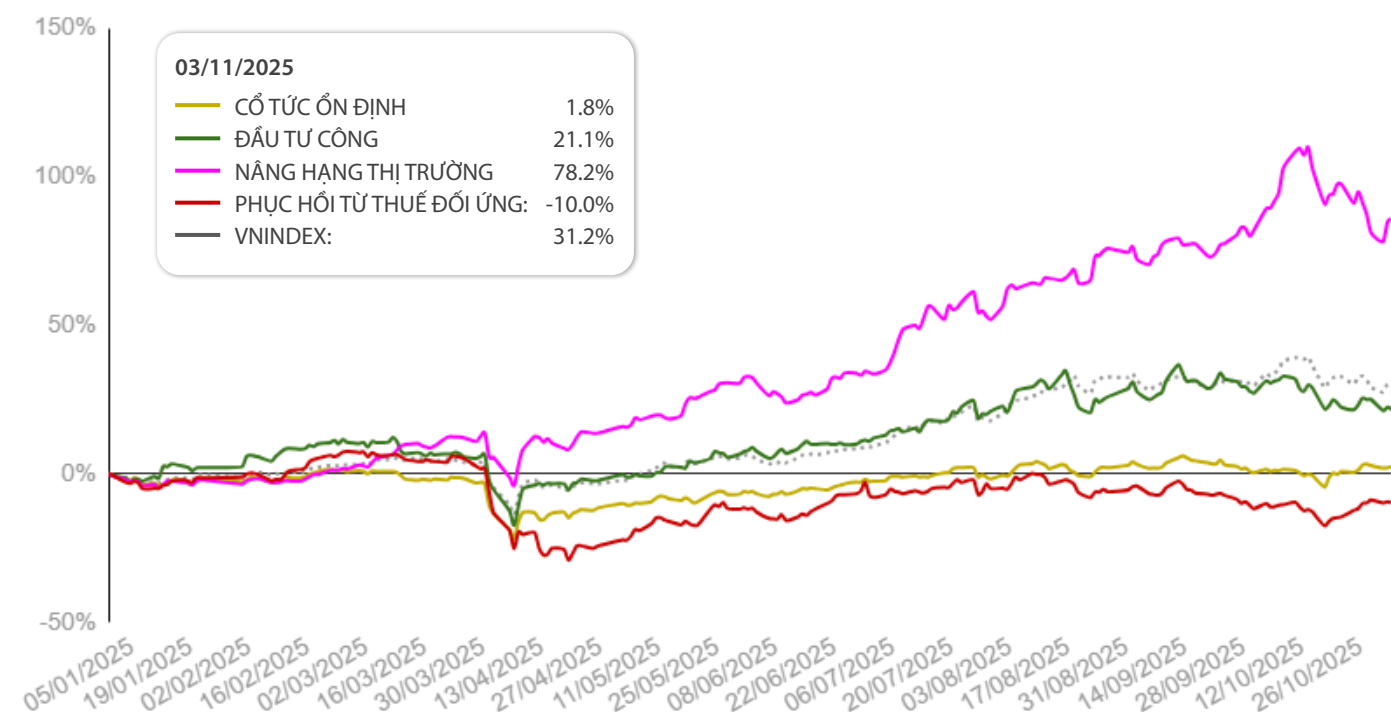
“Lợi nhuận quý 3 gấp 2.9 lần so với cùng kỳ, đạt 28,51 tỷ đồng.”

CẬP NHẬT DANH MỤC CHỦ ĐỀ



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CÁC DANH MỤC CHỦ ĐỀ & VN-INDEX

Thời gian: Tính từ đầu năm



THỐNG KÊ HIỆU QUẢ DANH MỤC THEO THỜI GIAN

Danh mục	1 tháng	3 tháng	6 tháng	12 tháng	Từ đầu năm	Ngày bắt đầu
CỔ TỨC TIỀN MẶT	0.3%	2.8%	13.1%	-	1.8%	02/01/2025
ĐẦU TƯ CÔNG	-7.7%	0.4%	21.5%	-	21.1%	02/01/2025
NÂNG HẠNG THỊ TRƯỜNG	-5.9%	10.0%	53.8%	-	78.2%	02/01/2025
PHỤC HỒI TỪ THUẾ ĐỐI ỨNG	0.1%	-4.9%	16.0%	-	-10.0%	02/01/2025
VNINDEX	-4.6%	4.5%	30.4%	-	27.4%	-

Danh mục Nâng hạng thị trường: Đón đầu vị thế mới của Việt Nam

- ✓ Việc Việt Nam được nâng hạng thị trường từ cận biên lên mới nổi là cột mốc chiến lược, thu hút dòng vốn ngoại mạnh mẽ, thúc đẩy thanh khoản và nâng cao giá trị cổ phiếu. Sự kiện này đồng thời tăng cường minh bạch, chuẩn mực quốc tế, củng cố niềm tin nhà đầu tư và tạo nền tảng tăng trưởng bền vững cho doanh nghiệp.
- ✓ Chúng tôi đã chọn lọc các doanh nghiệp đầu ngành, vốn hóa lớn, có nền tảng tài chính vững mạnh và tiềm năng tăng trưởng vượt trội để đón đầu cơ hội này.

Mã CK	Phân loại cổ p-hiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
VHM	●	BĐS Dân cư	140	98.5	42.1%	88 - 96	11.1	1.8	8,875
VRE	●	BĐS Dân cư	48.5	31.35	54.7%	28 - 32	17	1.7	1,844
HPG	●	Thép	32.9	26.05	26.3%	24 - 25.5	16	1.7	1,629
VNM	●	Thực phẩm	65.1	57.3	13.6%	52.5 - 55	13.6	3.2	4,226
VCB	●	Ngân hàng	77.9	59.3	31.4%	57 - 60	14.1	2.2	4,205
SSI	●	Chứng khoán	46.5	32.5	43.1%	35 - 38	18.1	2.2	1,795
VND	●	Chứng khoán	27	18.8	43.6%	20 - 21.5	14.8	1.4	1,269
MSN	●	Thực phẩm	93.4	77	21.3%	78 - 82	24.5	2.7	3,141
VIC	●	BĐS Dân cư	220	195.4	12.6%	150 - 170	122.2	4.8	1,599

Danh mục Cổ tức ổn định: Đầu tư vững vàng, nhận dòng tiền bền vững

- ✓ Danh mục Cổ tức ổn định tập trung vào các doanh nghiệp có lịch sử chi trả cổ tức đều đặn và tăng trưởng, thể hiện nền tảng tài chính vững mạnh cùng dòng tiền ổn định.
- ✓ Danh mục này là sự lựa chọn lý tưởng cho nhà đầu tư tìm kiếm nguồn thu nhập thụ động bền vững và giảm thiểu rủi ro biến động thị trường, giúp tối ưu hóa lợi nhuận dài hạn.

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
DPR	●	BĐS Khu công nghiệp	43.2	38.95	10.9%	35 - 36.5	9.5	1	4,123
GMD	●	Cảng - Vận tải	71	68.5	3.6%	62 - 66	16.4	2.1	4,166
VNM	●	Thực phẩm	65.1	57.3	13.6%	52.5 - 55	13.6	3.2	4,226
QNS	●	Mía đường	50.8	44.8	13.4%	43.5 - 45	7.9	1.7	5,689
NT2	●	Điện	26.5	23.5	12.8%	21 - 22.5	24.3	1.7	966
DPM	●	Hóa chất - Phân bón	26.4	23.2	13.8%	21.5 - 23	28.5	1.4	814
BMP	●	Nhựa	190	173.8	9.3%	140 - 154	13.1	4.8	13,288
REE	●	Điện	84.3	65	29.7%	59 - 62	13.2	1.5	4,917
SCS	●	Hàng không - Du lịch	85	55.9	52.1%	50 - 53	8	3.6	7,009
TLG	●	Văn phòng phẩm	60	52.5	14.3%	50 - 52.5	10.2	1.9	5,131
VCS	●	Vật liệu - Xây dựng	51.5	47.1	9.3%	42 - 45	9.3	1.5	5,045

Chú thích Phân loại cổ phiếu: ● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu* 2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

Danh mục Đầu tư công: Đón đầu hạ tầng, vững bước tăng trưởng

- ✓ Danh mục Đầu tư công tập trung vào các doanh nghiệp hưởng lợi trực tiếp từ chính sách giải ngân vốn đầu tư công mạnh mẽ của Chính phủ.
- ✓ Các cổ phiếu trong danh mục này thường thuộc các ngành xây dựng hạ tầng, vật liệu xây dựng, và năng lượng, được kỳ vọng tăng trưởng bền vững nhờ nhu cầu lớn từ các dự án trọng điểm quốc gia. Đây là cơ hội đón đầu chu kỳ phát triển hạ tầng, tối ưu hóa lợi nhuận trong dài hạn.

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
HPG	●	Thép	32.9	26.05	26.3%	24 - 25.5	16	1.7	1,629
CTD	●	Xây dựng	93	99	-	75 - 79.5	31.9	1.2	3,106
HSG	●	Thép	24	16.75	40.9%	15.5 - 17	22.7	0.9	738
C4G	●	Xây dựng	10	8.2	22.0%	6 - 7	18.8	0.7	437
DPG	●	Xây dựng	52	42.2	23.2%	38.5 - 42	13.1	1.6	3,224
HT1	●	Xi măng	19.5	16.1	21.1%	15 - 16	81	1.3	199
KSB	●	Khai khoáng	21.5	18	19.4%	16.5 - 18	25.9	0.8	694
LCG	●	Xây dựng	13.3	10.3	29.1%	10.3 - 11	16.2	0.8	635
PLC	●	Hóa chất - Phân bón	30	26.5	13.2%	24 - 26	23.8	1.6	1,116
VCG	●	Xây dựng	32.5	24.65	31.8%	25 - 26.5	19.3	1.4	1,278

Danh mục Phục hồi từ Thuế đối ứng: Vượt bão thuế quan, đón đầu phục hồi

- ✓ Danh mục Phục hồi từ Thuế đối ứng tập trung vào các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi chính sách thuế quan gần đây, nhưng có tiềm năng vượt qua thách thức và phục hồi mạnh mẽ.
- ✓ Chúng tôi chọn lọc những công ty có nền tảng vững chắc, khả năng thích nghi cao và kỳ vọng hưởng lợi từ các điều chỉnh chính sách hoặc sự đa dạng hóa thị trường. Đây là cơ hội đón đầu sự trở lại của các doanh nghiệp có khả năng thích ứng & linh hoạt, mang lại tiềm năng tăng trưởng đáng kể trong trung hạn.

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
VHC	●	Thủy sản	68	57.2	18.9%	52 - 55	9.6	1.4	5,939
TCM	●	Dệt may	32.5	28	16.1%	26 - 28	10.7	1.4	2,624
TNG	●	Dệt may	22.3	19.2	16.1%	18 - 19	7.8	1.3	2,462
MSH	●	Dệt may	37.5	39	-	31 - 32.5	9.2	2.1	4,260
KBC	●	BĐS Khu công nghiệp	44.3	34.2	29.5%	32.5 - 34.5	23.2	1.5	1,471
IDC	●	BĐS Khu công nghiệp	42.6	38.2	11.5%	31 - 34	7.2	2	5,304
LHG	●	BĐS Khu công nghiệp	46.8	30.15	55.2%	28.5 - 30	5.7	0.9	5,320
SZC	●	BĐS Khu công nghiệp	35	30.9	13.3%	27 - 29	15.3	1.7	2,019
SIP	●	BĐS Khu công nghiệp	79.3	56.5	40.4%	50 - 54	9.6	2.6	5,875
GVR	●	BĐS Khu công nghiệp	33	28.35	16.4%	25 - 27	19.5	1.9	1,452
PHR	●	BĐS Khu công nghiệp	71.6	55.5	29.0%	51 - 54	15.2	1.9	3,653
DPR	●	BĐS Khu công nghiệp	43.2	38.95	10.9%	35 - 36.5	9.5	1	4,123

Chú thích Phân loại cổ phiếu: ● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu* 2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

TỔNG QUAN VỀ SMARTPORTFOLIO

CUNG CẤP NHỮNG DANH MỤC ĐẦU TƯ CHẤT LƯỢNG VÀ PHÙ HỢP VỚI TỪNG KHẨU VỊ RỦI RO

1 Mục tiêu đầu tư

- Mục tiêu chính của smartPortfolio là giúp nhà đầu tư xây dựng danh mục đầu tư hiệu quả, phù hợp với khẩu vị rủi ro và kỳ vọng lợi nhuận cá nhân.
- Cung cấp một giải pháp đầu tư đơn giản, tiện lợi, đặc biệt hữu ích cho những nhà đầu tư không có nhiều thời gian hoặc kinh nghiệm phân tích thị trường.
- Tối ưu hóa lợi nhuận trong khi vẫn kiểm soát rủi ro ở mức độ chấp nhận được.

2 Chiến lược đầu tư

- smartPortfolio áp dụng chiến lược đầu tư chủ động, dựa trên phân tích chuyên sâu của đội ngũ chuyên gia Rổng Việt.
- Tập trung vào việc tìm kiếm các doanh nghiệp có tiềm năng tăng trưởng tốt, có lợi thế cạnh tranh bền vững và được định giá hợp lý.
- Sử dụng kết hợp phân tích cơ bản và phân tích kỹ thuật để lựa chọn các cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng tốt.
- Chú trọng vào việc đa dạng hóa danh mục đầu tư, phân bổ vốn hợp lý giữa các ngành và các loại tài sản.
- Theo dõi sát sao diễn biến thị trường và điều chỉnh danh mục đầu tư kịp thời.

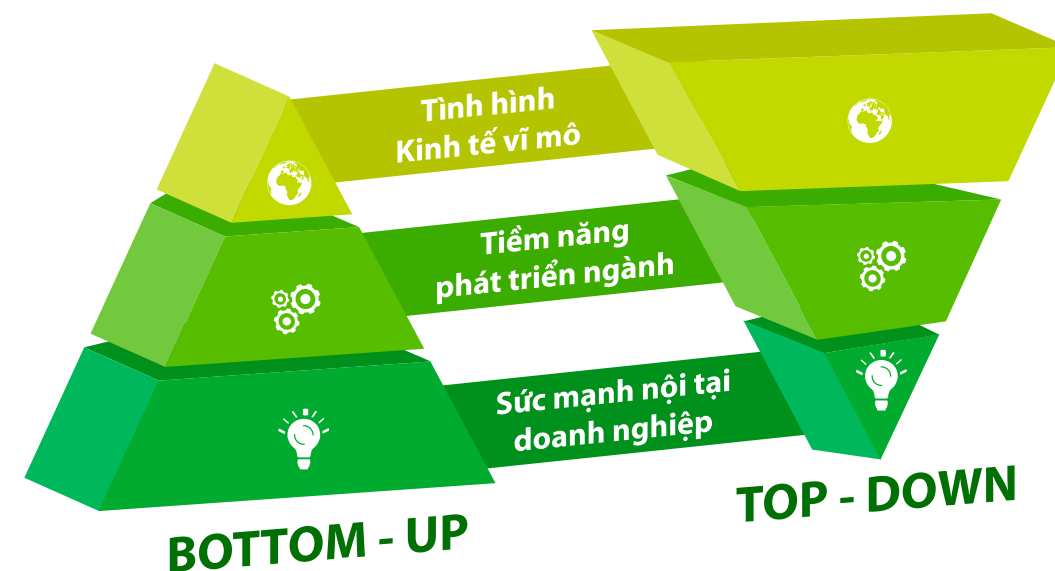
3 Cơ cấu đầu tư

- smartPortfolio phân chia thành ba loại danh mục chính, tương ứng với ba mức độ rủi ro khác nhau:
 - Danh mục **THẬN TRỌNG**: Tập trung vào các cổ phiếu có tính ổn định cao, cổ tức đều đặn.
 - Danh mục **CÂN BẰNG**: Kết hợp giữa các cổ phiếu tăng trưởng và các cổ phiếu ổn định, nhằm cân bằng giữa lợi nhuận và rủi ro.
 - Danh mục **TĂNG TRƯỞNG**: Tập trung vào các cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng mạnh mẽ, chấp nhận rủi ro cao hơn để đạt được lợi nhuận cao hơn.
- Ngoài ra smartPortfolio còn thiết kế các danh mục theo nhóm vốn hóa:
 - Danh mục **MIDCAP**: Tập trung vào các công ty có vốn hóa trung bình, tiềm năng tăng trưởng mạnh mẽ.
 - Danh mục **SMALLCAP**: Tập trung vào các công ty có vốn hóa nhỏ, tiềm năng tăng trưởng đột phá nhưng cũng đi kèm rủi ro cao hơn.
- Mỗi danh mục được xây dựng với số lượng mã cổ phiếu có giới hạn, để nhà đầu tư có thể dễ dàng theo dõi và quản lý.

XÂY DỰNG DANH MỤC ĐẦU TƯ

I. Phương pháp xây dựng

Đội ngũ chuyên gia Rổng Việt kết hợp phương pháp **Bottom-up** và **Top-down** để tìm kiếm cơ hội đầu tư vượt trội:



Đối với phương pháp Bottom-up: Chúng tôi tập trung vào những doanh nghiệp có những câu chuyện riêng:

- Phân tích chi tiết tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh, lợi thế cạnh tranh của từng doanh nghiệp.
- Đánh giá tiềm năng tăng trưởng và định giá của từng cổ phiếu.
- Lựa chọn các cổ phiếu có định giá hấp dẫn và tiềm năng tăng trưởng cao.

Đối với phương pháp Top-down: Các cổ phiếu được chúng tôi thẩm định theo tuần tự:

- Phân tích vĩ mô: Đánh giá tình hình kinh tế toàn cầu và trong nước, các chính sách của chính phủ, xu hướng ngành...
- Xác định các ngành có tiềm năng tăng trưởng tốt trong tương lai.
- Lựa chọn các doanh nghiệp hàng đầu trong các ngành này.

- Đội ngũ chuyên gia của Rổng Việt liên tục theo dõi và cập nhật danh mục đầu tư, đảm bảo tính phù hợp với tình hình thị trường.
- Việc cập nhật danh mục được thực hiện định kỳ hàng tháng.



II. Quy trình xây dựng danh mục đầu tư

~ 1700 CỔ PHIẾU



ĐỊNH TÍNH

Tâm lý thị trường
Câu chuyện doanh nghiệp
Chủ đề đầu tư
Sự kiện quốc tế

ĐỊNH LƯỢNG

Vĩ mô
Dòng tiền
Bộ lọc cổ phiếu
Phân tích kỹ thuật
Xếp hạng Doanh nghiệp
SmartScore/Trade

500-600

CỔ PHIẾU

- ✓ Các cổ phiếu được đánh giá dựa trên yếu tố cơ bản
- ✓ Xác định chủ đề trọng điểm thu hút được dòng tiền lớn tham gia
- ✓ Đảm bảo đạt được các tiêu chí của công cụ smartScore, smartTrade

DANH MỤC QUAN SÁT

PHÂN TÍCH CHUYÊN SÂU

100

CỔ PHIẾU

- ✓ Thiết lập danh mục đầu tư tương ứng phân bổ tỷ trọng phù hợp với Rủi ro & Lợi suất đầu tư
- ✓ Quan sát biến động giá trong vòng 3-6 tháng gần nhất để chọn ra vùng giá mua hợp lý
- ✓ Thay vì cố gắng tìm cách mua đáy bán đỉnh, chúng tôi tìm kiếm những cổ phiếu đang giao dịch ở vùng đáy trung/dài hạn với mức biên an toàn đủ lớn. Từ đó, lợi nhuận của danh mục được đảm bảo tăng trưởng bền

THIẾT KẾ DANH MỤC ĐẦU TƯ

ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KỲ
100
CỔ PHIẾU

200

CỔ PHIẾU

- Đưa các cp vào danh mục dựa trên các yếu tố Lợi suất kỳ vọng & Rủi ro thỏa mãn những tiêu chí sau (có thể tùy vào từng danh mục):
- ✓ Định giá hấp dẫn
 - ✓ Hiệu suất sinh lời hợp lý
 - ✓ Tiềm năng tăng giá, upside hấp dẫn (lớn hơn 20%)
 - ✓ Điểm mua/bán phù hợp với diễn biến thị trường

DIỄN GIẢI THUẬT NGỮ

smartScore
Hệ thống chấm điểm cổ phiếu toàn diện



Để tối ưu hóa hiệu quả đầu tư, chúng tôi giới thiệu hệ thống smartScore độc quyền, một công cụ đánh giá và xếp hạng cổ phiếu toàn diện. smartScore là sự kết hợp tinh tế giữa các tiêu chí định lượng và định tính, được đánh giá trên thang điểm từ 1 đến 100, mang đến cái nhìn sâu sắc và đa chiều về tiềm năng của từng cổ phiếu. Hệ thống được cấu thành từ ba yếu tố then chốt:



ĐIỂM CHẤT LƯỢNG (Quality Score):

- Đây là thước đo năng lực cốt lõi của doanh nghiệp, phản ánh hiệu quả hoạt động kinh doanh và tốc độ tăng trưởng bền vững.
- Đánh giá dựa trên các chỉ số: tốc độ tăng trưởng doanh thu/lợi nhuận, biên lợi nhuận, ROE, ROA, chất lượng tài sản, nợ vay...



ĐIỂM ĐỊNH GIÁ (Valuation Score):

- Yếu tố này giúp xác định giá trị thực của cổ phiếu, so sánh thị giá hiện tại với tiềm năng nội tại và vị thế tương quan trong ngành.
- Đánh giá dựa trên các chỉ số: P/E, P/B, EV/EBITDA...



ĐIỂM ĐỘNG LƯỢNG (Momentum Score):

- Chỉ số này nắm bắt sức mạnh giá và khối lượng giao dịch, cho thấy xu hướng thị trường và mức độ quan tâm của nhà đầu tư.
- Đánh giá dựa trên các chỉ số: biến động giá và khối lượng giao dịch, MACD, RSI...

smartScore là công cụ đặc lực, cung cấp cái nhìn sâu sắc và đa chiều, giúp nhà đầu tư đưa ra quyết định sáng suốt.





Cổ phiếu Tăng trưởng & cổ phiếu Phòng thủ



Trong danh mục đầu tư smartPortfolio, tỷ lệ phân bổ giữa cổ phiếu Tăng trưởng và cổ phiếu Phòng thủ sẽ phụ thuộc vào khẩu vị rủi ro của nhà đầu tư. Ví dụ, danh mục THẬN TRỌNG sẽ có tỷ lệ cổ phiếu Phòng thủ cao hơn, trong khi danh mục TĂNG TRƯỞNG sẽ có tỷ lệ cổ phiếu Tăng trưởng cao hơn.

Cổ phiếu Tăng trưởng (Growth Stocks) (●):

- ✓ **Bứt phá lợi nhuận** | Đại diện cho các doanh nghiệp có tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận vượt trội so với thị trường chung, mang lại cơ hội sinh lời đột phá.
- ✓ **Ngành nghề tiên phong.** | Thường xuất hiện trong các lĩnh vực công nghệ, tiêu dùng không thiết yếu, hoặc các ngành mới nổi, nơi sự đổi mới và lợi thế cạnh tranh là chìa khóa thành công.
- ✓ **Tái đầu tư mạnh mẽ** | Doanh nghiệp ưu tiên tái đầu tư lợi nhuận để thúc đẩy tăng trưởng, thay vì phân phối cổ tức, nhằm tối đa hóa giá trị dài hạn.
- ✓ **Tiềm năng lớn, rủi ro cao** | Mang đến cơ hội sinh lời vượt trội, nhưng đi kèm là biến động giá mạnh, phù hợp với nhà đầu tư có khẩu vị rủi ro cao và tầm nhìn dài hạn.
- ✓ **Thách thức định giá** | Định giá cổ phiếu tăng trưởng thường cao, đòi hỏi nhà đầu tư phải phân tích kỹ lưỡng để tránh rủi ro mua vào ở mức giá không phản ánh giá trị thực.

Cổ phiếu Phòng thủ (Defensive Stocks) (●):

- ✓ **Ổn định và bền vững** | Đại diện cho các doanh nghiệp có doanh thu và lợi nhuận ổn định, trả cổ tức đều đặn, và ít bị ảnh hưởng bởi biến động kinh tế.
- ✓ **Bảo vệ vốn an toàn** | Mô hình kinh doanh ít rủi ro, giúp bảo toàn vốn hiệu quả trong giai đoạn thị trường biến động, đồng thời mang lại thu nhập ổn định từ cổ tức.
- ✓ **Tiềm năng tăng trưởng vừa phải** | Tiềm năng sinh lời thấp hơn so với cổ phiếu tăng trưởng, nhưng mang lại sự an tâm và ổn định cho nhà đầu tư.
- ✓ **Tiềm năng lớn, rủi ro cao** | Mang đến cơ hội sinh lời vượt trội, nhưng đi kèm là biến động giá mạnh, phù hợp với nhà đầu tư có khẩu vị rủi ro cao và tầm nhìn dài hạn.



Rủi ro danh mục



Rủi ro danh mục là mức độ biến động và khả năng mất mát vốn của một danh mục đầu tư. Nó phản ánh mức độ an toàn hoặc nguy hiểm khi đầu tư vào các tài sản trong danh mục.

Ý nghĩa các mức rủi ro:

■ Rất thấp (Rủi ro < 1)

Danh mục an toàn, ít biến động, phù hợp với nhà đầu tư thận trọng.

■ Thấp ($1 \leq \text{Rủi ro} < 2$)

Mức rủi ro nhỏ, lợi nhuận ổn định hơn.

■ Trung bình ($2 \leq \text{Rủi ro} < 3$)

Sự cân bằng giữa rủi ro và lợi nhuận.

■ Cao ($3 \leq \text{Rủi ro} < 4$)

Biến động lớn, tiềm năng lợi nhuận cao nhưng cũng đi kèm rủi ro.

■ Rất cao ($4 \leq \text{Rủi ro} < 5$)

Rủi ro rất lớn, có khả năng sinh lợi cao nhưng cũng dễ mất vốn.

